Thông Tin Về Việc
Trở Thành Công Dân Hoa Kỳ
Bản Hướng Dẫn Nhập Tịch

- Những quyền lợi khi trở thành công dân Hoa Kỳ
- Các quy định về nhập tịch
- **CHÚ Ý!** Khi nào cần được giúp đỡ về pháp lý trước khi nộp đơn xin nhập tịch
- Các bước để trở thành công dân nhập tịch
- Các thắc mắc thường gặp
- Tài liệu học thi nhập tịch môn công dân (lịch sử và chính phủ)
- Tài liệu học thi nhập tịch môn Anh Ngữ
- Các tổ chức giúp đỡ về việc trở thành công dân
- Những nơi dạy Anh Ngữ là Ngôn Ngữ thứ Hai (ESL)
- Đơn Xin Nhập Tịch (N-400)

This information made possible through a partnership with The Seattle Public Library, King County Library System, and City of Seattle New Citizen Initiative.

VIETNAMESE VERSION

QUÝ VỊ CÓ CẦN ĐƯỢC GIÚP ĐỠ THÊM KHÔNG?

Để có thêm thông tin hoặc sự giúp đỡ để trở thành công dân, quý vị có thể:

✓ Liên lạc một trong những tổ chức cung cấp dịch vụ trở thành công dân được liệt kê trong *Phần H*

✓ Điện thoại U.S. Citizenship and Immigration Serivces (USCIS) (Sở Di Trú và Công Dân Hoa Kỳ) – National Customer Service Center (NCSC) (Trung Tâm Phục Vụ Di Dân) ở số 1-800-375-5283 hoặc vào trang mạng www.uscis.gov

Để biết thêm thông tin về các lớp học Anh Ngữ là Ngôn Ngữ Thứ Hai (ESL), quý vị có thể liên lạc một trong những nơi dạy ESL được liệt kê trong *Phần I.*

Quý vị cũng có thể có thêm thông tin về sự chuẩn bị cho việc trở thành công dân và các lớp học ESL bằng cách gọi International Center (Trung Tâm Quốc Tế) của San Francisco Public Library (Thư Viện Công Cộng San Francisco) ở số 415-557-4430 hoặc xem trang mạng của Thư Viện tại: http://sfpl.org/internationalcenter

Tập sách nhỏ này dành để giúp đỡ những người muốn trở thành công dân Hoa Kỳ:

- Hiểu rõ hơn về việc nhập tịch
- Trả lời một số thắc mắc thường gặp nhất về việc nhập tịch
- Cung cấp tài liệu để học thi nhập tịch, và
- Liên kết với các tổ chức giúp đỡ về việc trở thành công dân hoặc dạy các lớp Anh Ngữ là Ngôn Ngữ Thứ Hai.

Tập sách này chỉ cung cấp thông tin tổng quát. Nó không nhằm để thay thế cho cố vấn pháp luật. Lưu ý: Một số nội dung trong bản in này có thể thay đổi vì các cuộc tuyển cử và bổ nhiệm. Thư Viện Công Cộng San Francisco bằng mọi nổ lực sẽ nhanh chóng cập nhật những thông tin này.

Tập sách này được phổ biến bằng các ngôn ngữ sau đây:
Chữ Hoa Chữ Anh Chữ Phi Luật Tân Chữ Đại Hàn Chữ Nga Chữ Tây Ban Nha Chữ Việt

MỤC LỤC

Bản chú giải từ ngữ **1**

PHẦN A: Những quyền lợi khi trở thành công dân Hoa Kỳ **2**

PHẦN B: Các quy định về nhập tịch **3**

PHẦN C: CHÚ Ý! Khi nào cần được giúp đỡ về pháp lý trước khi nộp đơn xin nhập tịch **4**

PHẦN D: Các bước để trở thành một công dân nhập tịch **5**
- Thông tin quý vị cần có để điền đơn 5
- Giấy tờ quý vị cần phải nộp theo cùng với đơn xin của mình 6
- Gởi đơn của quý vị 6
- Lấy dấu tay 7
- Phỏng vấn 8

PHẦN E: Những thắc mắc thường gặp **9**
1. Quá trình nhập tịch mất bao lâu? 9
2. Làm thế nào để biết được tiến trình của đơn xin nhập tịch của tôi? 9
3. Tôi phải làm gì nếu tôi đổi địa chỉ sau khi nộp đơn? 9
4. Nộp đơn tốn bao nhiêu? 9
5. Nếu tôi không thể trả lệ phí nộp đơn thì sao? 9
6. Đang nhận trợ cấp hoặc lãnh SSI có ảnh hưởng đến việc nhập tịch không? 10
7. Có những nguy cơ gì khi nộp đơn xin trở thành công dân? 10
8. Tôi có cần phải thông thạo Anh ngữ không? 10
9. Thông tin gì sẽ được bao gồm trong kỳ thi nhập tịch? 10
10. Tôi có thể thi nhập tịch trước khi được phỏng vấn không? 11
11. Nếu tôi không đậu kỳ thi nhập tịch thì sao? 11
12. Tôi có thể được miễn thi nhập tịch không? 11
13. Tôi có thể thi nhập tịch bằng tiếng mẹ đẻ không? 11
14. Nếu tôi bị tàn tật thì sao? 11
15. Nếu tôi là người lớn tuổi thì sao? 12
16. Nếu đơn xin của tôi được chấp thuận thì khi nào tôi sẽ trở thành công dân? 12
17. Các con của tôi có trở thành công dân khi tôi là công dân không? 12
18. Tôi có thể làm gì nếu USCIS bác bỏ đơn xin của tôi? 12

PHẦN F: Tài liệu học thi nhập tịch môn công dân (lịch sử và chính phủ) **13**
- Câu hỏi để học thi nhập tịch 14
- Câu hỏi học thi dành cho các đương đơn lớn tuổi 25

PHẦN G: Tài liệu học thi nhập tịch môn Anh văn **27**
- Từ vựng 27

PHẦN H: Các tổ chức có thể giúp đỡ về việc trở thành công dân **29**

PHẦN I: Những nơi dạy Anh Ngữ là Ngôn Ngữ Thứ Hai (ESL) **32**

Các bản đính kèm
- Đơn xin nhập tịch (N-400)

BẢN CHÚ GIẢI TỪ NGỮ

Công dân – Những người sinh ở Hoa Kỳ, Puerto Rico, U.S. Island Area, hoặc ở nước ngoài; những người được sinh ra từ cha mẹ là công dân Hoa Kỳ; và những người sinh ở ngoại quốc trở thành công dân qua thủ tục nhập tịch.

Công dân nhập tịch – Những người sinh ở ngoại quốc đã hoàn tất mỹ mãn thủ tục nhập tịch.

Nhập tịch – Khi một người sinh ở ngoại quốc tình nguyện trở thành công dân Hoa Kỳ. Thủ tục nhập tịch bao gồm nộp đơn xin trở thành công dân, được chấp thuận để trở thành công dân, và Tuyên Thệ Trung Thành với Hoa Kỳ.

InfoPass – Một hệ thống miễn phí trên mạng Internet cho mọi người lấy hẹn để gặp Viên Chức Thông Tin Sở Di Trú. http://infopass.uscis.gov

INS – Immigration and Naturalization Service (Sở Di Trú và Nhập Tịch). Bây giờ được gọi là U.S. Citizenship and Immigration Service (USCIS) (Sở Di Trú và Công Dân Hoa Kỳ).

USCIS – U.S. Citizenship and Immigration Service (Sở Di Trú và Công Dân Hoa Kỳ), (trước đây được gọi là INS, hoặc Immigration and Naturalization Service (Sở Di Trú và Nhập Tịch).

Thẻ xanh -- I-551 hoặc I-151 cũng còn được gọi là Thẻ Thường Trú.

Thẻ Thường Trú – Một tên gọi khác cho thẻ xanh.

Thường Trú Nhân Hợp Pháp – Một người có thẻ xanh.

N-400 – Đơn xin nhập tịch.

N-648 – Đơn xin miễn thi nhập tịch cho môn công dân và Anh ngữ vì lý do tàn tật. Cũng còn được gọi là "Giấy Chứng Nhận Y Khoa để Hưởng các Ngoại Lệ vì Tàn Tật" (Medical Certification for Disability Exceptions)

GAU – General Assistance Unemployable (Trợ cấp tổng quát cho người không thể làm việc). Trợ cấp tiền mặt và các quyền lợi y tế dành cho những người không có khả năng về thể chất và/hoặc tinh thần và/hoặc không thể được tuyển dụng.

SSI – Supplemental Security Income (Lợi tức an sinh bổ sung). Trợ cấp tiền mặt được đặt ra để giúp người lớn tuổi, người mù hoặc tàn tật không có lợi tức hoặc có lợi tức thấp.

TANF – Temporary Aid for Needy Families (Giúp đỡ tạm thời cho những gia đình đang túng thiếu). Trợ cấp tiền mặt cho những gia đình đang túng thiếu và hội đủ điều kiện.

This information made possible through a partnership with The Seattle Public Library, King County Library System, and City of Seattle New Citizen Initiative.

PHẦN A:
NHỮNG QUYỀN LỢI KHI TRỞ THÀNH CÔNG DÂN HOA KỲ

Đưa gia đình đến Hoa Kỳ: Công dân có thể nộp đơn xin di trú cho nhiều dạng thân nhân hơn những người có thẻ xanh, và các thân nhân đó thường có thể được di trú nhanh hơn.

Con cái trở thành công dân: Con cái dưới 18 tuổi còn độc thân có thể trở thành công dân nếu cha mẹ trở thành công dân.

Bầu cử: Công dân có thể đi bầu trong các cuộc bầu cử, phục vụ trong bồi thẩm đoàn và được bầu vào các văn phòng chính phủ.

Du lịch: Công dân có thể đi du lịch nước ngoài mà không phải lo lắng về giấy tái nhập cảnh hoặc về việc bị mất chứng nhận thân phận hợp pháp. Họ còn có thể làm giấy hộ chiếu Hoa Kỳ.

Không bị trục xuất: Công dân không bị trục xuất. Một người có thẻ xanh có thể bị khước từ tái nhập cảnh Hoa Kỳ hoặc có thể bị trục xuất vì phạm tội nào đó hay vì từ bỏ thân phận cư dân, cùng với các lý do khác.

Ít giấy tờ phải làm hơn: Quyền công dân là vĩnh viễn. Công dân không phải gia hạn chứng nhận thân phận công dân của mình hoặc không phải thông báo USCIS (Sở Di Trú và Công Dân Hoa Kỳ) khi thay đổi địa chỉ.

Đủ tư cách nhậm công chức: Nhiều việc làm của chính phủ liên bang quy định rằng quý vị phải là một công dân Hoa Kỳ.

Phúc lợi công cộng: Công dân có đủ điều kiện hưởng tất cả phúc lợi công cộng. Những người di dân không phải là công dân thì không đủ điều kiện hưởng một số quyền lợi, vì vậy trở thành công dân có thể bảo vệ quyền lợi của quý vị cho các chương trình này.

Sở hữu súng: Sở hữu súng là điều bất hợp pháp đối với đa số người không phải là công dân.

Bày tỏ tinh thần ái quốc: Trở thành công dân là một cách để biểu lộ sự cam kết nghĩa vụ đối với quốc gia mới của quý vị.

This information made possible through a partnership with The Seattle Public Library, King County Library System, and City of Seattle New Citizen Initiative.

PHẦN B:
CÁC QUY ĐỊNH VỀ NHẬP TỊCH

Ít nhất là 18 tuổi

Đã là một thường trú nhân hợp pháp (người có thẻ xanh) ít nhất là năm năm (hoặc ba năm, nếu lập gia đình với một công dân Hoa Kỳ). Quý vị sẽ cần có "thẻ xanh" (I-551 hoặc I-151).

Đã sinh sống liên tục ở Hoa Kỳ ít nhất là năm năm, và đã có mặt trong nước ít nhất là phân nửa thời gian đó (2 năm, 6 tháng), và không rời khỏi nước mỗi lần quá một năm. Nếu quý vị lập gia đình với một công dân Hoa Kỳ, quý cị cần phải sinh sống liên tục ở Hoa Kỳ ba năm và có mặt ở trong nước ít nhất là phân nửa thời gian đó (1 năm, 6 tháng), và không rời khỏi nước mỗi lần quá một năm.

Có khả năng nói, đọc và viết Anh ngữ cấp đàm thoại. Để biết các ngoại lệ, xin xem *phần E*.

Có khả năng thi đậu môn công dân Hoa Kỳ (lịch sử và chính phủ). Để biết các ngoại lệ, xin xem *phần E*.

Là người có "đạo đức tốt". Nếu quý vị có bất cứ vấn đề nào được liệt kê trong *Phần C* quý vị nên gặp luật sư di trú TRƯỚC KHI nộp đơn xin nhập tịch.

Sẵn sàng tuyên thệ trung thành với Hoa Kỳ. Tất cả đương đơn đều phải sẵn sàng tuyên thệ hỗ trợ và bảo vệ Hoa Kỳ và Hiến Pháp quốc gia.

This information made possible through a partnership with The Seattle Public Library, King County Library System, and City of Seattle New Citizen Initiative.

PHẦN C:
KHI NÀO CẦN GIÚP ĐỠ VỀ PHÁP LÝ TRƯỚC KHI NỘP ĐƠN XIN NHẬP TỊCH

CHÚ Ý! Nếu bất cứ điều nào trong những điều sau đây là đúng với quý vị, quý vị cần thảo luận với luật sư di trú TRƯỚC KHI nộp đơn xin trở thành công dân.

Để tìm một luật sư di trú quý vị có thể liên lạc:
Lawyer Referral and Information Service tại **www.sfbar.org/lawyerreferrals/index.aspx**
hoặc 415-989-1616
Bar Association of San Francisco taïi **www.sfbar.org** hoặc 415-982-1600
American Immigration Lawyers Association tại **www.ailalawyer.com**

Bar Association of San Francisco cũng có tổ chức các buổi hướng dẫn miễn phí trong cộng đồng địa phương. Để biết thêm tin tức xin viếng trang mạng:
www.sfbar.org/volunteer/larc.aspx

- ☐ **Dọn ra khỏi Hoa Kỳ:** Quý vị đã dọn đến một quốc gia khác từ khi quý vị có thẻ xanh.
- ☐ **Tội phạm:** Quý vị đã bị bắt giữ, kết án, hoặc thú nhận phạm bất cứ tội gì, bao gồm nhưng không giới hạn với các hành vi phạm pháp, bất cứ tội gì về ma túy, lái xe khi say rượu, cướp giựt, trùng hôn, hoặc mãi dâm.
- ☐ **Deportation:** Quý vị có lệnh bị trục xuất hoặc bị tách rời (cũng còn được gọi là giải hồi).
- ☐ **Thuế:** Quý vị không đóng thuế, hoặc đã đóng thuế như người không thường trú.
- ☐ **Cấp dưỡng con:** Quý vị đã chọn không cấp dưỡng tiền cho con cái dưới 18 tuổi, hoặc đã từ chối trả tiền cấp dưỡng con cái như đã quy định.
- ☐ **Selective Service:** Quý vị là nam giới sinh sau năm 1960 đã sống ở Hoa Kỳ trong khoảng tuổi từ 18 đến 26 và không đăng ký nghĩa vụ quân sự.
- ☐ **Quản chế:** Quý vị đang bị quản chế hoặc đang được thả tự do có điều kiện vì bị kết án hình sự.
- ☐ **Du lịch 6 tháng:** Quý vị đã ở **ngoài Hoa Kỳ** với thời hạn 6 tháng từ khi quý vị có thẻ xanh.
- ☐ **Thông tin của USCIS:** Thông tin trên đơn xin trở thành công dân của quý vị khác với thông tin quý vị đã cấp cho USCIS (Sở Di Trú và Công Dân Hoa Kỳ) khi xin thẻ xanh, hoặc quý vị đã khai gian với các viên chức di trú để được quyền lợi di dân, chẳng hạn như thẻ xanh.
- ☐ **Nhập cảnh bất hợp pháp:** Quý vị đã giúp người nào đó, ngay cả con, cha mẹ hoặc vợ chồng của quý vị, nhập cảnh Hoa Kỳ bất hợp pháp.
- ☐ **Giấy tờ giả:** Quý vị đã bị tố cáo sử dụng giấy tờ giả.
- ☐ **Bạo hành trong gia đình:** Quý vị đã bị cáo hoặc bị kết tội bạo hành trong gia đình, đã ngược đãi hoặc bỏ bê con trẻ, hoặc đã vi phạm lệnh bảo vệ.
- ☐ **Bầu cử ở Hoa Kỳ:** Quý vị đã đăng ký bầu cử hoặc đã đi bầu trong kỳ bầu cử của liên bang, tiểu bang, hoặc địa phương và quý vị không phải là công dân Hoa Kỳ.

This information made possible through a partnership with The Seattle Public Library, King County Library System, and City of Seattle New Citizen Initiative.

PHẦN D:
CÁC BƯỚC ĐỂ TRỞ THÀNH CÔNG DÂN NHẬP TỊCH

★ Bước 1: Nộp đơn xin

Lấy đơn xin: Quý vị cần mẫu USCIS Form N-400 (Đơn xin nhập tịch). Một đơn N-400 được kèm theo trong tập sách này. Quý vị cũng có thể đặt xin mẫu đơn bằng cách gọi số 1-800-870-3676, hoặc in mẫu đơn này từ trang mạng của USCIS (Sở Di Trú và Công Dân Hoa Kỳ) http:www.uscis.gov/files/form/N-400.pdf.

Điền đơn xin: Trả lời tất cả các câu hỏi một cách đầy đủ và thành thật. Quý vị sẽ cần những thông tin sau đây để điền đơn của quý vị.

- ☐ Số ngoại kiều: -- Số này ở trên thẻ xanh (I-551 hoặc I-151, còn được gọi là Thẻ Thường Trú) của quý vị. Nếu thẻ xanh của quý vị đã hết hạn hoặc không có ngày hết hạn, quý vị nên liên lạc với luật sư di trú hoặc cơ quan với dịch vụ trở thành công dân TRƯỚC KHI nộp đơn xin nhập tịch (xin xem *phần C và H*).
- ☐ Ngày tháng du lịch: -- Ngày tháng của tất cả những chuyến du lịch quý vị đã rời khỏi Hoa Kỳ từ khi quý vị trở thành thường trú nhân (có thẻ xanh).
- ☐ Nơi cư ngụ – Địa chỉ của tất cả những nơi quý vị đã sinh sống trong năm năm qua.
- ☐ Sở làm – Liệt kê tất cả những sở làm quý vị đã làm việc trong năm năm qua. Bao gồm tên công ty, địa chỉ, quý vị đã làm việc ở đó khi nào, và chức vụ quý vị đã giữ.
- ☐ Phối ngẫu – Thông tin về người chồng/vợ của quý vị. Bao gồm tên, địa chỉ, ngày sinh, ngày và nơi kết hôn, số An Sinh Xã Hội và số Ngoại Kiều (nếu có). Nếu người chồng/vợ của quý vị là một công dân nhập tịch, xin bao gồm ngày và nơi nhập tịch. Nếu người chồng/vợ của quý vị không có giấy tờ hợp pháp, quý vị nên liên lạc với luật sư di trú TRƯỚC KHI nộp đơn xin nhập tịch (xin xem *Phần C*).
- ☐ Các hôn nhân trước kia – Nếu trước đây quý vị đã có lập gia đình, hoặc nếu người chồng/vợ của quý vị trước đây đã có lập gia đình, thì quý vị sẽ cần phải khai báo tên họ của tất cả những người chồng/vợ trước kia, ngày tháng kết hôn, ngày tháng hôn nhân chấm dứt, lý do tại sao hôn nhân chấm dứt, và tình trạng di trú hiện nay của những người chồng/vợ trước đó.
- ☐ Con cái – Thông tin về tất cả con cái của quý vị. Nên nhớ bao gồm những đứa con đã quá cố, những đứa con từ những mối quan hệ hoặc hôn nhân trước đây, và bất cứ những đứa con nào đang sinh sống ở ngoài Hoa Kỳ. Bao gồm tên của các con, ngày và nơi sinh, chỗ cư ngụ hiện nay và số Ngoại Kiều (nếu có).
- ☐ Hồ sơ từ tòa án và cảnh sát – Nếu quý vị bị bắt giữ vì bất cứ lý do gì (bao gồm các hành vi phạm pháp và lái xe khi say rượu) quý vị cần có thông tin về ngày tháng năm bị bắt giữ, lời buộc tội, và bản sao giấy tuyên án của tòa. Quý vị phải tiết lộ hồ sơ này ngay cả khi luật sư hoặc vị thẩm phán đã nói rằng hồ sơ của quý vị là "trong sạch". Nếu quý vị đã bị bắt giữ, quý vị nên liên lạc với luật sư di trú TRƯỚC KHI nộp đơn xin nhập tịch (xin xem *Phần C*).
- ☐ Số Selective Service – Nam giới sinh sau năm 1960 sinh sống ở Hoa Kỳ giữa khoảng tuổi 18 và 26 phải ghi danh tham gia Selective Service (Công tác tuyển quân). Quý vị cần số Selective Service của quý vị để nộp đơn xin. Quý vị có thể đăng ký hoặc gọi để nhận số này ở 1-847-688-6888 hoặc viếng trang mạng của Selective Service ở www.sss.gov. Nếu quý vị thuộc diện quy định phải đăng ký, nhưng đã không đăng ký trước khi 26 tuổi, quý vị nên liên lạc với luật sư di trú hoặc một tổ chức có thể giúp về việc trở thành công dân TRƯỚC KHI nộp đơn xin nhập tịch (xin xem *phần C và H*).

Các đương đơn nên luôn theo dõi trang mạng www.uscis.gov để biết về lệ phí và các mẫu đơn hiện hành trước khi nộp đơn. Các lệ phí có thể thay đổi và các mẫu đơn có thể quá thời. Nếu quý vị cần được giúp đỡ để điền đơn xin nhập tịch, xin liên lạc một trong bất cứ tổ chức nào có thể giúp về việc trở thành công dân có liệt kê trong *Phần H*.

This information made possible through a partnership with The Seattle Public Library, King County Library System, and City of Seattle New Citizen Initiative.

Giấy tờ quý vị cần phải gởi kèm với đơn xin của mình:

- ☐ Bản sao cả hai mặt của thẻ xanh – (I-551 hoặc I-151, cũng còn được gọi là Thẻ Thường Trú).
- ☐ Hai tấm hình màu giống nhau, kiểu chụp làm giấy hộ chiếu (2" x 2") được chụp trong vòng 30 ngày trước khi gởi đến USCIS – Dùng bút chì viết nhẹ tên và số Ngoại Kiều của quý vị lên mặt sau của từng tấm hình.
- ☐ Chi phiếu hoặc ngân phiếu – Quý vị sẽ cần một chi phiếu hoặc ngân phiếu với số tiền $675 ($595 lệ phí nộp đơn và $80 lệ phí lấy dấu tay). Các đương đơn 75 tuổi trở lên không cần phải lấy dấu tay và sẽ không bị tính lệ phí này. Viết chi phiếu hoặc ngân phiếu trả cho "Department of Homeland Security". Đừng dùng chữ tắt DHS hoặc USDHS. Đừng gởi tiền mặt. Nếu quý vị có lợi tức thấp và đang gặp khó khăn tột cùng về tài chánh, quý vị có thể được miễn lệ phí này, xin xem *Phần E*.

Chụp bản sao của tất cả các giấy tờ quý vị gởi và giữ những bản sao này ở một nơi an toàn.

Gởi đơn của quý vị

Đừng mang đơn đến văn phòng của USCIS. Hãy đến Bưu Điện hoặc một công ty bưu tín tư như là FedEx hoặc DHL và gởi: 1) đơn xin của quý vị, 2) bản sao thẻ xanh, 3) các tấm hình, và 4) chi phiếu hoặc ngân phiếu bằng THƯ BẢO ĐẢM, CÓ HỒI BÁO đến Cơ Sở Tiếp Nhận Đơn của USCIS như đã chỉ định.
Quân nhân tại ngũ nộp đơn xin nhập tịch dưới mục 328 và 329 của INA không cần phải trả lệ phí.

Nếu quý vị cư ngụ ở tiểu bang **Alaska, Arizona, California, Colorado, Hawaii, Idaho, Illinois, Indiana, Iowa, Kansas, Michigan, Minnesota, Missouri, Montana, Nebraska, Nevada, North Dakota, Ohio, Oregon, South Dakota, Utah, Washington, Wisconsin, Wyoming, Territory of Guam, or Northern Mariana Islands,** hãy gởi đơn của quý vị đến:

USCIS Lockbox Facility **USCIS** **P.O. Box 21251** **Phoenix, AZ 85036** (Cho **đa số** cư dân tiểu bang California**)**	**Private Courier (non-USPS) Deliveries :** **USCIS** **Attention: N-400** **1820 E. Skyharbor Circle S.** **Floor 1** **Phoenix, AZ 85036**

Nếu quý vị cư ngụ ở tiểu bang **Alabama, Arkansas, Connecticut, Delaware, District of Columbia, Florida, Georgia, Kentucky, Louisiana, Maine, Maryland, Massachusetts, Mississippi, New Hampshire, New Jersey, New Mexico, New York, North Carolina, Oklahoma, Pennsylvania, Puerto Rico, Rhode Island, South Carolina, Tennessee, Texas, Vermont, Virginia, West Virginia, or U.S. Virgin Islands**, hãy gởi đơn của quý vị đến:

USCIS Lockbox Facility **USCIS** **P.O. Box 299026** **Lewisville, TX 75029**	**Private Courier (non-USPS) Deliveries:** **USCIS** **Attention: N-400** **2501 S. State Hwy 121, Bldg. 4** **Lewisville, TX 75067**

This information made possible through a partnership with The Seattle Public Library, King County Library System, and City of Seattle New Citizen Initiative.

Nhận giấy hồi báo
Quý vị sẽ nhận được giấy hồi báo từ USCIS trong vòng một đến hai tháng cho biết rằng họ đã nhận được đơn xin của quý vị. Giấy hồi báo này rất quan trọng vì quý vị có thể dùng số trên giấy hồi báo để theo dõi tiến trình về đơn xin của mình. *Nếu quý vị không nhận được giấy hồi báo trong vòng hai tháng sau khi nộp đơn, quý vị nên liên lạc với USCIS ở số1-800-375-5283.*

KHI NÀO QUÝ VỊ NÊN BẮT ĐẦU HỌC CHO KỲ THI CỦA MÌNH?
Trong buổi phỏng vấn của quý vị, một viên chức USCIS sẽ trắc nghiệm khả năng đọc, viết, và nói tiếng Anh của quý vị, và quý vị sẽ phải thi môn công dân bằng tiếng Anh để kiểm tra sự hiểu biết của quý vị về lịch sử và chính phủ Hoa Kỳ. Nếu quý vị đọc, viết, hoặc nói rất ít tiếng Anh hoặc hoàn toàn không biết tiếng Anh HAY nếu quý vị không thể đọc hoặc viết bằng tiếng mẹ đẻ của mình, quý vị nên bắt đầu chuẩn bị cho kỳ thi nhập tịch của mình càng sớm càng tốt. Để biết thêm tin tức về kỳ thi nhập tịch xin xem *Phần F và G*. Để tìm một tổ chức có thể giúp quý vị chuẩn bị cho kỳ thi xin xem *Phần H*.

★ BƯỚC 2: Đến buổi hẹn lấy dấu tay của quý vị

Một vài tháng sau khi quý vị nộp đơn xin, USCIS sẽ gởi cho quý vị một lá thư cho biết buổi hẹn lấy dấu tay của quý vị vào lúc nào và ở đâu. Lấy dấu tay thường được thực hiện ở văn phòng USCIS tại địa phương quý vị. Mang theo lá thư của USCIS, Thẻ Thường Trú (thẻ xanh) của quý vị, và thêm một thẻ nhận dạng có hình trên đó (bằng lái xe, giấy hộ chiếu, hoặc thẻ căn cước tiểu bang). Nếu quý vị 75 tuổi trở lên khi nộp đơn xin, quý vị không phải lấy dấu tay. Văn phòng USCIS San Francisco đặt tại: **444 Washington St., San Francisco, CA 94111.**

★ BƯỚC 3: Gởi thêm hồ sơ nếu USCIS yêu cầu các hồ sơ đó

Đôi khi USCIS yêu cầu quý vị gởi thêm hồ sơ. Nếu USCIS cần thêm thông tin, quý vị sẽ nhận được thư thông báo những gì họ cần và địa điểm để gởi hồ sơ đó.

★ BƯỚC 4: Chờ cho buổi phỏng vấn của quý vị được sắp đặt

Vài tháng sau khi quý vị lấy dấu tay, quý vị sẽ nhận được một lá thư cho biết buổi phỏng vấn của quý vị được định vào lúc nào và ở đâu. Nếu quý vị không thể đi vào ngày này, quý vị phải viết thư yêu cầu sắp xếp lại buổi phỏng vấn của quý vị vào ngày khác. Hãy làm điều này càng sớm càng tốt. Khi buổi phỏng vấn mới đã được ấn định, quý vị sẽ nhận một lá thư khác qua bưu điện. Việc sắp xếp lại buổi phỏng vấn vào ngày khác có thể cộng thêm vài tháng nữa vào quá trình nộp đơn. *Nếu quý vị không nhận được thư của USCIS trong vòng bảy tháng sau ngày nộp đơn xin, quý vị nên liên lạc USCIS Customer Service ở số 1-800-375-5283.*

LƯU Ý: USCIS hiện nay nộp hồ sơ của đương đơn đến FBI để kiểm tra thêm về an ninh được gọi là "kiểm tra tên". Đa số việc kiểm tra tên được hoàn tất trong vòng vài tuần lễ. Tuy nhiên, trong những trường hợp hiếm có việc kiểm tra tên có thể lâu hơn, đôi khi mất đến vài năm. Điều này có thể gây trì hoãn đáng kể đến quá trình nộp đơn xin.

This information made possible through a partnership with The Seattle Public Library, King County Library System, and City of Seattle New Citizen Initiative.

★ BƯỚC 5: Đến buổi phỏng vấn của quý vị

Trước buổi phỏng vấn của quý vị, hãy đọc lại đơn xin để nhớ những gì quý vị đã viết. Trong buổi phỏng vấn quý vị sẽ được hỏi về bản thân và đơn xin của quý vị. Điều rất quan trọng là quý vị phải thành thật về mọi điều! Không nói sự thật – ngay cả những điều rất nhỏ nhặt – có thể làm cho đơn xin của quý vị bị đình trệ hoặc bị bác bỏ. Hãy nhớ đến buổi phỏng vấn của quý vị đúng giờ. Văn phòng USCIS San Francisco đặt tại: **444 Washington St., San Francisco, CA 94111.**

CHÚ Ý! Nếu quý vị không đến buổi phỏng vấn và không liên lạc trước với USCIS, USCIS sẽ đóng hồ sơ của quý vị. Nếu quý vị không liên lạc với USCIS trong vòng một năm để mở lại hồ sơ của mình, đơn xin của quý vị sẽ chính thức bị bác bỏ và quý vị sẽ phải làm lại quá trình này từ đầu.

Trong buổi phỏng vấn của quý vị, một viên chức USCIS sẽ trắc nghiệm khả năng đọc, viết, và nói tiếng Anh cùng với kiến thức của quý vị về chính phủ và lịch sử Hoa Kỳ (được gọi là môn công dân). Nếu quý vị không thi đậu lần thi này, quý vị có thể sắp đặt hẹn thêm một buổi phỏng vấn nữa. Nếu quý vị không thi đậu lần thứ nhì, quý vị sẽ phải làm lại quá trình nộp đơn từ đầu.

★ BƯỚC 6: Nhận được quyết định

Ngay sau buổi phỏng vấn, quý vị sẽ nhận được kết quả thi của mình. Đơn xin nhập tịch của quý vị sẽ được chấp thuận, tiếp tục, hoặc bị bác bỏ trong khi quý vị vẫn còn có mặt tại văn phòng USCIS.

★ BƯỚC 7: Tuyên thệ trung thành

Quý vị trở thành một công dân ngay sau khi quý vị Tuyên Thệ Trung Thành với Hoa Kỳ trong buổi lễ nhập tịch. Ở một vài nơi, quý vị có thể chọn tuyên thệ cùng ngày với buổi phỏng vấn của quý vị. Nếu không có sự chọn lựa đó, hoặc nếu quý vị thích có một buổi lễ vào một ngày khác, USCIS sẽ gởi cho quý vị một lá thư cho biết ngày, giờ và địa điểm của buổi lễ mà quý vị nên đến dự.

This information made possible through a partnership with The Seattle Public Library, King County Library System, and City of Seattle New Citizen Initiative.

PHẦN E:
NHỮNG THẮC MẮC THƯỜNG GẶP

1. QUÁ TRÌNH NHẬP TỊCH MẤT BAO LÂU?

Điều này khác nhau theo từng trường hợp, nhưng ở tiểu bang California thì trung bình mất khoảng sáu đến tám tháng từ khi nộp đơn cho đến khi được trở thành công dân.

2. LÀM THẾ NÀO ĐỂ BIẾT ĐƯỢC TIẾN TRÌNH ĐƠN XIN NHẬP TỊCH CỦA TÔI?

Quý vị có thể theo dõi tiến trình đơn xin nhập tịch của mình bằng cách vào xem trang mạng **www.uscis.gov** hoặc gọi USCIS Customer Service ở số 1-800-675-5283. Quý vị cũng có thể đích thân đến văn phòng USCIS tại địa phương của mình và có thể sắp xếp một buổi hẹn qua trang mạng **http://infopass.uscis.gov**. Văn phòng USCIS San Francisco được đặt tại: **444 Washington St., San Francisco, CA 94111.**

3. TÔI PHẢI LÀM GÌ NẾU TÔI ĐỔI ĐỊA CHỈ SAU KHI NỘP ĐƠN?

Điều rất quan trọng là USCIS phải có địa chỉ hiện thời của quý vị. Nếu họ không có đúng địa chỉ của quý vị thì quý vị có thể sẽ không nhận được những thông tin quan trọng. Chẳng hạn như, USCIS sẽ không thể thông báo cho quý vị biết về ngày và giờ của buổi phỏng vấn nhập tịch. Luật pháp quy định rằng mỗi lần quý vị thay đổi chỗ ở thì quý vị phải thông báo cho USCIS biết địa chỉ mới của quý vị. Nếu quý vị thay đổi chỗ ở sau khi nộp đơn N-400 của mình, hãy gọi USCIS Customer Service ở số 1-800-375-5283. Quý vị cũng phải nộp "Thẻ Thay Đổi Địa Chỉ của Ngoại Kiều", mẫu AR-11. Quý vị phải nộp mẫu AR-11 trong vòng 10 ngày kể từ ngày dọn nhà.

4. NỘP ĐƠN TỐN BAO NHIÊU?

Tổng chi phí là $675 ($595 lệ phí nộp đơn và $80 lệ phí lấy dấu tay). Các đương đơn tuổi từ 75 trở lên không phải lấy dấu tay và không bị tính lệ phí này. Các đương đơn nên luôn theo dõi trang mạng www.uscis.gov để biết lệ phí hiện hành trước khi nộp đơn. Các lệ phí có thể thay đổi và các mẫu đơn có thể quá thời.

5. NẾU TÔI KHÔNG THỂ TRẢ LỆ PHÍ NỘP ĐƠN THÌ SAO?

Nếu quý vị không thể trả lệ phí nộp đơn, quý vị có thể xin miễn lệ phí đó. Tuy nhiên, quý vị phải có bằng chứng cho thấy quý vị không có khả năng trả. Để xin miễn lệ phí quý vị phải:

- Viết một lá thư có chữ ký và đề ngày, và bao gồm câu tuyên bố: "Tôi tuyên bố rằng những lời khai trên là đúng sự thật và sẽ chịu hình phạt nếu khai gian."
- Đặc biệt yêu cầu được miễn lệ phí và trình bày lý do tại sao quý vị không thể trả lệ phí nộp đơn.
- Bao gồm bằng chứng cho thấy rằng quý vị không thể trả tiền (một bản sao của chi phiếu SSI hoặc TANF).

Thư yêu cầu miễn lệ phí phải nộp với đơn xin của quý vị. Để thư yêu cầu trong một phong bì riêng và viết bên ngoài bì thư bằng chữ in to "FEE WAIVER REQUEST" (Thư Yêu Cầu Miễn Lệ Phí). Nếu thư yêu cầu của quý vị bị khước từ, toàn bộ đơn xin sẽ được gởi trả lại cho quý vị, và quý vị sẽ phải nộp đơn lại lần nữa với lệ phí ấn định. Để biết thêm về các yêu cầu miễn lệ phí xin đến trang mạng www.uscis.gov/feewaiver hoặc liên lạc một tổ chức có thể giúp về việc trở thành công dân trong *phần H*.

This information made possible through a partnership with The Seattle Public Library, King County Library System, and City of Seattle New Citizen Initiative.

6. ĐANG HƯỞNG TRỢ CẤP HOẶC LÃNH SSI CÓ ẢNH HƯỞNG ĐẾN VIỆC NHẬP TỊCH KHÔNG?

Không. Các trợ cấp chính phủ chỉ ảnh hưởng đến việc nhập tịch nếu người ta khám phá rằng quý vị đã nhận được các trợ cấp đó qua gian lận.

7. CÓ NHỮNG NGUY CƠ GÌ KHI NỘP ĐƠN XIN TRỞ THÀNH CÔNG DÂN?

Ngay cả khi quý vị có thẻ xanh, quý vị vẫn có nguy cơ bị trục xuất nếu bất kỳ một trong những điều sau đây là đúng sự thật:

- quý vị đã bị khước từ nhập cảnh Hoa Kỳ lần vừa rồi,
- quý vị đã bị kết án về tội nào đó,
- quý vị đã rời khỏi Hoa Kỳ quá lâu,
- quý vị đã giúp người nào đó nhập cảnh Hoa Kỳ bất hợp pháp, hoặc
- quý vị đã khai gian để nhận trợ cấp chính phủ hoặc các quyền lợi về di trú.

Nếu bất cứ một trong những điều nào trên đây là đúng sự thật, thì điều rất quan trọng là quý vị nên được sự giúp đỡ từ một người am hiểu về nhập tịch TRƯỚC KHI quý vị nộp đơn. Để biết thêm thông tin về các luật sư di trú xin xem *phần C*. Để biết thêm tin tức về các tổ chức có thể giúp đỡ về việc trở thành công dân xin xem *phần H*. Nếu quý vị trở thành công dân Hoa Kỳ, quý vị cũng có thể phải từ bỏ quyền công dân ở bản xứ của quý vị.

8. TÔI CÓ CẦN PHẢI THÔNG THẠO ANH NGỮ KHÔNG?

Quý vị không cần phải thông thạo nhưng cần biết Anh ngữ ở cấp đàm thoại. Trong buổi phỏng vấn, quý vị cần có khả năng trả lời được những câu hỏi về đơn xin của mình và những câu hỏi về môn công dân Hoa Kỳ (lịch sử và chính phủ) bằng tiếng Anh. Nếu quý vị 50 tuổi và đã có thẻ xanh20 năm, *hoặc* quý vị 55 tuổi và đã có thẻ xanh được 15 năm, quý vị có thể thi nhập tịch bằng tiếng mẹ đẻ. Quý vị nên có một thông dịch viên đi theo trong buổi phỏng vấn của mình. Thông dịch viên không được là một thân nhân trong gia đình. Quý vị vẫn phải thi môn công dân, nhưng bằng tiếng mẹ đẻ của quý vị.

9. THÔNG TIN GÌ SẼ ĐƯỢC BAO GỒM TRONG KỲ THI NHẬP TỊCH?

Quý vị cần có khả năng đọc, viết và nói được tiếng Anh ở cấp đàm thoại. Quý vị cũng cần biết về lịch sử và chính phủ Hoa Kỳ (được gọi là *môn công dân*). Quý vị sẽ được trắc nghiệm khả năng Anh ngữ trong những cách sau đây:

- Đọc – Quý vị sẽ được yêu cầu đọc một câu tiếng Anh. Quý vị sẽ được đọc ba lần và phải có một lần đọc đúng.
- Viết – Quý vị sẽ được yêu cầu viết một câu tiếng Anh. Quý vị sẽ được viết ba lần và phải có một lần viết đúng.
- Nói – Viên chức USCIS sẽ trắc nghiệm khả năng nói tiếng Anh của quý vị khi quý vị trả lời những câu hỏi về chính bản thân và đơn xin của mình trong buổi phỏng vấn.

Quý vị cũng sẽ được yêu cầu thi vấn đáp một số câu hỏi về môn công dân để trắc nghiệm sự hiểu biết của quý vị về lịch sử và chính phủ Hoa Kỳ. Sẽ có 10 câu hỏi. Để được đậu, quý vị phải trả lời đúng 6 câu trong số 10 câu hỏi đó. Nếu quý vị là 65 tuổi hoặc trở lên và đã là một Thường Trú Nhân Hợp Pháp (người có thẻ xanh) được ít nhất là 20 năm, quý vị có thể học ít câu hỏi hơn. Các câu hỏi mẫu, bao gồm các câu hỏi dành cho những người từ 65 tuổi trở lên, được bao gồm trong *Phần F*. Quý vị có thể tìm thấy các từ vựng trong *Phần G*.

Nhiều tổ chức ở địa phương có thể giúp quý vị chuẩn bị cho kỳ thi này. Xin xem các tổ chức với dịch vụ trợ giúp trở thành công dân được liệt kê trong *Phần H*.

This information made possible through a partnership with The Seattle Public Library, King County Library System, and City of Seattle New Citizen Initiative.

10. TÔI CÓ THỂ THI NHẬP TỊCH TRƯỚC KHI ĐƯỢC PHỎNG VẤN KHÔNG?

Không. Kỳ thi chỉ được tiến hành trong buổi phỏng vấn nhập tịch.

11. NẾU TÔI KHÔNG ĐẬU KỲ THI NHẬP TỊCH THÌ SAO?

Nếu quý vị không đậu kỳ thi ở buổi phỏng vấn lần đầu của mình, quý vị sẽ được thi lại lần thứ nhì, thông thường trong vòng 60-90 ngày. Quý vị không phải nộp đơn mới. Quý vị sẽ nhận được một lá thư qua bưu điện cho biết ngày, giờ và địa điểm của kỳ thi. Nếu quý vị thi rớt lần nữa, đơn xin của quý vị sẽ bị bác. Tuy nhiên, quý vị có thể nộp đơn lại khi đã học Anh ngữ hoặc môn công dân đầy đủ để thi đậu cho cả hai phần. LƯU Ý: Nếu quý vị thi rớt, hãy hỏi xin Mẫu N-652, mẫu này cho quý vị biết thêm chi tiết về kết quả thi của mình.

12. TÔI CÓ THỂ ĐƯỢC MIỄN THI NHẬP TỊCH KHÔNG?

Một số người không phải thi Anh ngữ và môn công dân vì bị tàn tật về thân thể hoặc tinh thần làm cho họ không học được. (Họ vẫn cần phải đến buổi phỏng vấn của mình.) Để yêu cầu được miễn, quý vị phải nộp đơn xin miễn thi vì tàn tật (Mẫu N-648). **Được miễn thi vì tàn tật là điều rất khó xin.** Nếu quý vị tin rằng quý vị hội đủ điều kiện hưởng việc miễn thi vì tàn tật, quý vị nên liên lạc với một tổ chức hiểu biết cách nộp đơn xin mẫu N-648. Quý vị có thể tìm thấy danh sách các luật sư di trú trong *Phần C* và danh sách của các tổ chức có thể giúp về việc trở thành công dân trong *Phần H*. Để biết thêm chi tiết về việc được miễn thi vì tàn tật, xin xem *Câu hỏi 14*.

13. TÔI CÓ THỂ THI NHẬP TỊCH BẰNG TIẾNG MẸ ĐẺ KHÔNG?

Nếu quý vị 55 tuổi hoặc trở lên và đã là Thường Trú Nhân Hợp Pháp (quý vị có thẻ xanh) được ít nhất là 15 năm, hoặc nếu quý vị ít nhất là 50 tuổi và đã là Thường Trú Nhân Hợp Pháp được ít nhất là 20 năm, thì quý vị không cần phải nói tiếng Anh trong buổi phỏng vấn. Quý vị cần có một thông dịch viên đi theo trong buổi phỏng vấn của mình. Thông dịch viên không được là thân nhân trong gia đình. Quý vị vẫn phải thi môn công dân, nhưng bằng tiếng mẹ đẻ của quý vị.

14. NẾU TÔI BỊ TÀN TẬT THÌ SAO?

USCIS có thể giúp những người tàn tật trong những cách sau đây:

Cung cấp theo yêu cầu – USCIS có thể sắp đặt nhiều loại "cung cấp theo yêu cầu" (trợ giúp). Khi quý vị nộp mẫu đơn N-400, quý vị cần ghi rõ loại giúp đỡ nào quý vị cần. USCIS có thể giúp bằng cách:

- cho phép quý vị dùng một thông dịch viên ngôn ngữ ra dấu nếu quý vị bị điếc,
- cho quý vị thêm thời gian để trả lời những câu hỏi môn công dân (lịch sử và chính phủ),
- cho quý vị thi bằng tiếng mẹ đẻ của quý vị (nếu quý vị hội đủ một số quy định, xin xem *câu hỏi 13*),
- có buổi phỏng vấn ở một phòng mà xe lăn có thể đến được, và
- các trợ giúp khác không có ghi ra đây. Xin liên lạc USCIS Customer Service ở số 1-800-375-5283 để biết thêm chi tiết về những cung cấp đặc biệt này. *Để có người giúp đỡ trực tiếp bằng Anh ngữ, xin bấm 1, 2, 4, 0.*

Đơn miễn thi vì tàn tật (Mẫu N-648) – Nếu quý vị bị tàn tật gây khó khăn cho việc học, quý vị có thể yêu cầu được miễn thi Anh ngữ và môn công dân. Quý vị vẫn phải đến buổi phỏng vấn của mình. Để được miễn thi vì tàn tật, bác sĩ của quý vị phải điền mẫu đơn N-648. **Được miễn thi vì tàn tật là điều rất khó xin!** Có người đã được miễn thi vì tàn tật như bị tai biến mạch máu não, bệnh căng thẳng sau một biến cố đau thương và bệnh mất trí nhớ. Quý vị hoặc bác sĩ của quý vị nên thảo luận với luật sư (xin xem *phần C*) hoặc một tổ chức chuyên về nhập tịch để mẫu đơn này được điền cho đúng và đầy đủ (xin xem *phần H*). Hãy gởi mẫu đơn N-648 đến USCIS cùng với mẫu đơn N-400 khi quý vị nộp đơn xin trở thành công dân.

This information made possible through a partnership with The Seattle Public Library, King County Library System, and City of Seattle New Citizen Initiative.

15. NẾU TÔI LÀ NGƯỜI LỚN TUỔI THÌ SAO?

Những sắp xếp đặc biệt sau đây dành cho người lớn tuổi:

- Anh ngữ – Nếu quý vị 50 tuổi và đã có thẻ xanh được 20 năm, *hoặc* quý vị 55 tuổi và đã có thẻ xanh được 15 năm, quý vị có thể thi nhập tịch bằng tiếng mẹ đẻ của mình.
- Bài thi được giảm bớt – Nếu quý vị 65 tuổi hoặc trở lên và đã có thẻ xanh ít nhất là 20 năm, quý vị có thể học ít câu hỏi hơn.
- Lấy dấu tay – Nếu quý vị là 75 tuổi hoặc trở lên khi nộp đơn xin, quý vị không cần phải lấy dấu tay. Điều này cũng có nghĩa là quý vị không phải trả $80 cho lệ phí này.

16. NẾU ĐƠN XIN CỦA TÔI ĐƯỢC CHẤP THUẬN, THÌ KHI NÀO TÔI SẼ TRỞ THÀNH CÔNG DÂN?

Quý vị trở thành công dân ngay sau khi quý vị đọc lời Tuyên Thệ Trung Thành với Hoa Kỳ trong một buổi lễ nhập tịch. Ở một vài nơi, quý vị có thể chọn tuyên thệ cùng ngày với buổi phỏng vấn của quý vị. Nếu không có sự chọn lựa đó, hoặc nếu quý vị thích có một buổi lễ vào một ngày khác, USCIS sẽ gởi cho quý vị một lá thư cho biết ngày, giờ và địa điểm của buổi lễ mà quý vị nên đến dự.

17. CÁC CON CỦA TÔI CÓ TRỞ THÀNH CÔNG DÂN KHI TÔI LÀ CÔNG DÂN KHÔNG?

Vào năm 2001, một luật đã được thông qua và luật này cho phép tự động cấp quyền công dân cho những người con còn độc thân dưới 18 tuổi khi cha hoặc mẹ được nhập tịch, miễn là những người con này có thẻ xanh và người cha hoặc mẹ được nhập tịch được đích thân nuôi giữ con hợp pháp. (Nuôi giữ con hợp pháp tức là có thẩm quyền quyết định về phúc lợi của con quý vị. Đích thôn nuôi giữ con tức là con của quý vị ngủ tại nhà quý vị phần lớn thời gian.) Nếu quý vị đã nhập tịch trước khi có luật mới này, những đứa con còn độc thân dưới 18 tuổi của quý vị được trở thành công dân Hoa Kỳ vào ngày luật này có hiệu lực: ngày 27 tháng 2, 2001. Phụ huynh có thể xin giấy chứng nhận công dân của con mình bằng cách nộp mẫu đơn N-600 hoặc nộp đơn xin hộ chiếu Hoa Kỳ.

18. TÔI CÓ THỂ LÀM GÌ NẾU USCIS BÁC BỎ ĐƠN XIN CỦA TÔI?

Quý vị có thể yêu cầu một buổi điều trần với viên chức di trú. Thư bác bỏ của quý vị sẽ giải thích cách yêu cầu buổi điều trần và sẽ bao gồm mẫu đơn mà quý vị cần.

Trong đa số trường hợp, quý vị có thể nộp đơn xin nhập tịch trở lại. Để nộp lại đơn xin, quý vị cần điền và nộp đơn mới và trả lệ phí lần nữa. Quý vị cũng cần phải lấy dấu tay và chụp hình lại một lần nữa. Nếu quý vị bị bác bỏ vì đã thi rớt Anh ngữ hoặc môn công dân (lịch sử và chính phủ) hai lần, quý vị có thể nộp đơn xin lại ngay khi quý vị muốn. Quý vị nên nộp đơn lại bất cứ lúc nào quý vị tin là mình đã học đủ để có thể đậu cả hai bài thi Anh ngữ và công dân.

This information made possible through a partnership with The Seattle Public Library, King County Library System, and City of Seattle New Citizen Initiative.

PHẦN F:
TÀI LIỆU HỌC THI NHẬP TỊCH MÔN CÔNG DÂN (LỊCH SỬ VÀ CHÍNH PHỦ)

Thể theo luật, người xin nhập tịch phải chứng minh "sự hiểu biết về Anh ngữ, bao gồm khả năng đọc, viết, và nói...những chữ và từ đơn giản...theo cách dùng thông thường..." Có nghĩa là, để hội đủ điều kiện nhập tịch, quý vị phải biết đọc, viết, và nói tiếng Anh cơ bản.

Trong buổi phỏng vấn, một viên chức USCIS sẽ trắc nghiệm khả năng đọc, viết, và nói Anh ngữ cùng với sự hiểu biết về lịch sử và chính phủ Hoa Kỳ của quý vị bằng tiếng Anh. Quý vị cần có khả năng đọc, viết và nói được tiếng Anh ở cấp đàm thoại. Quý vị cũng cần biết về lịch sử và chính phủ Hoa Kỳ (được gọi là *môn công dân*).

Nếu quý vị đọc, viết, hoặc nói rất ít tiếng Anh hoặc hoàn toàn không biết tiếng Anh HAY nếu quý vị không thể đọc hoặc viết bằng tiếng mẹ đẻ của mình, quý vị nên bắt đầu chuẩn bị cho kỳ thi nhập tịch của mình càng sớm càng tốt.

Khả năng Anh ngữ của quý vị sẽ được trắc nghiệm trong những cách say đây:

- Đọc – Quý vị sẽ được yêu cầu đọc một câu tiếng Anh. Quý vị sẽ được đọc ba lần và phải có một lần đọc đúng.
- Viết – Quý vị sẽ được yêu cầu viết một câu tiếng Anh. Quý vị sẽ được viết ba lần và phải có một lần viết đúng.
- Nói – Viên chức USCIS sẽ trắc nghiệm khả năng nói tiếng Anh của quý vị khi quý vị trả lời những câu hỏi về chính bản thân và đơn xin của mình trong buổi phỏng vấn.

Quý vị cũng sẽ được yêu cầu thi vấn đáp một số câu hỏi về môn công dân để trắc nghiệm sự hiểu biết của quý vị về lịch sử và chính phủ Hoa Kỳ. Sẽ có 10 câu hỏi. Để được đậu, quý vị phải trả lời đúng ít nhất 6 câu trong số 10 câu hỏi đó.

Nếu quý vị là 65 tuổi hoặc trở lên và là một Thường Trú Nhân Hợp Pháp (người có thẻ xanh) được ít nhất là 20 năm, quý vị có thể học ít câu hỏi hơn.

Dưới đây là các câu hỏi mẫu mà quý vị có thể được hỏi trong buổi phỏng vấn nhập tịch của mình. Hãy viếng trang mạng của USCIS ở www.uscis.gov về các tài liệu để học thi nhập tịch. Một số câu hỏi có liệt kê vài câu trả lời. Đây là vì có nhiều cách để cùng nói lên một điều, hoặc là vì các câu hỏi đó có thể có nhiều giải đáp. Quý vị sẽ chỉ được yêu cầu cho biết một câu trả lời từ bản liệt kê, trừ phi câu hỏi cụ thể yêu cầu có hơn một câu trả lời. Quý vị sẽ được hỏi 10 câu hỏi và phải trả lời đúng ít nhất 6 câu trong số 10 câu đó.

This information made possible through a partnership with The Seattle Public Library, King County Library System, and City of Seattle New Citizen Initiative.

STUDY QUESTIONS FOR THE NATURALIZATION EXAM
CÂU HỎI ĐỂ HỌC THI NHẬP TỊCH

QUESTIONS	ANSWERS
HỎI	**ĐÁP**
AMERICAN GOVERNMENT QUESTIONS	
CÂU HỎI VỀ CHÍNH PHỦ HOA KỲ	
Principles of American Democracy	
Nguyên tắc của nền Dân Chủ Hoa Kỳ	
1. What is the supreme law of the land?	The Constitution
1. Luật tối cao của đất nước là gì?	Hiến Pháp
2. What does the Constitution do?	Sets up the government; defines the government; protects basic rights of Americans
2. Hiến Pháp thực thi điều gi?	Thiết lập chính phủ; định rõ chính phủ; bảo vệ quyền cơ bản của dân Mỹ
3. The idea of self-government is in the first three words of the Constitution. What are these words?	"We the People"
3. Ý niệm của việc tự trị nằm trong ba chữ đầu của Hiến Pháp. Các chữ đó là gì?	"Chúng ta [người] Dân"
4. What is an amendment?	A change (to the Constitution); an addition (to the Constitution)
4. Tu Chánh Án là gì?	Thay đổi (của Hiến Pháp); bổ sung (của Hiến Pháp)
5. What do we call the first 10 amendments to the Constitution?	The Bill of Rights
5. Chúng ta gọi 10 tu chánh án đầu tiên của Hiến Pháp là gì?	Bàn Tuyên Ngôn Nhân Quyền
6. What is **one** right or freedom from the First Amendment?	Speech; religion; assembly; press; petition the government
6. **Một** quyền hoặc tự do từ Tu Chánh Án thứ Nhất là gì?	Ngôn luận; tôn giáo; hội họp; báo chí; thỉnh nguyện tới chính phủ
7. How many amendments does the Constitution have?	Twenty-seven (27)
7. Hiến Pháp có bao nhiêu tu chánh án?	Hai mươi bảy (27)
8. What did the Declaration of Independence do?	Announced our independence (from Great Britain); declared our independence (from Great Britain); said that the United States is free (from Great Britain)
8. Bản Tuyên Ngôn Độc lập đã thực hiện điều gi?	Tuyên bố độc lập (từ Anh Quốc); công bố độc lập (từ Anh Quốc); nói rằng Hoa Kỳ được tự do (từ Anh Quốc)
9. What are **two** rights in the Declaration of Independence?	Life; liberty; pursuit of happiness
9. Kể ra **hai** quyền trong Bản Tuyên Ngôn Độc Lập.	Sự sống; tự do; theo đuổi hạnh phúc

This information made possible through a partnership with The Seattle Public Library, King County Library System, and City of Seattle New Citizen Initiative.

10. What is freedom of religion?	You can practice any religion, or not practice a religion
10. Tự do tôn giáo là gì?	Quý vị có thể theo bất cứ tôn giáo nào, hoặc không theo một tôn giáo nào
11. What is the economic system in the United States?	Capitalist economy; market economy
11. Hệ thống kinh tế ở Hoa Kỳ là gì?	Kinh tế tư bản; kinh tế thị trường
12. What is the "rule of law"?	Everyone must follow the law; leaders must obey the law; government must obey the law; no one is above the law.
12. "Quy tắc của luật pháp" là gì?	Mọi người phải tuân theo luật pháp; các nhà lãnh đạo phải tuân thủ luật pháp; chính quyền phải tuân thủ luật pháp; không ai được vượt qua pháp luật cả
System of Government	
Hệ Thống Chính Quyền	
13. Name **one** branch or part of the government.	Legislative (Congress); executive (President); judicial (the courts)
13. Nêu ra **một** ngành hoặc phần của chính phủ.	Lập pháp (Quốc Hội); hành pháp (Tổng Thống); tư pháp (tòa án)
14. What stops **one** branch of government from becoming too powerful?	Checks and balances; separation of powers
14. Điều gì ngăn chận **một** ngành trong chính phủ trở nên quá nhiều quyền lực?	Kiểm soát và cân đối; tách rời các quyền lực
15. Who is in charge of the executive branch?	The President
15. Ai đảm trách ngành hành pháp?	Tổng Thống
16. Who makes federal laws?	Congress; Senate and House (of Representatives); (U.S. or national) legislature
16. Ai lập ra luật pháp liên bang?	Quốc Hội; Thượng Viện và Hạ Viện; cơ quan lập pháp (Hoa Kỳ hoặc quốc gia)
17. What are the **two** parts of the U.S. Congress?	The Senate and House (of Representatives)
17. **Hai** phần của Quốc Hội Hoa Kỳ là gì?	Thượng Viện và Hạ Viện
18. How many U.S. Senators are there?	One hundred (100)
18. Có bao nhiêu thượng nghị sĩ liên bang?	Một trăm (100)
19. We elect a U.S. Senator for how many years?	Six (6)
19. Chúng ta bầu một Thượng Nghị Sĩ Hoa Kỳ cho bao nhiêu năm?	Sáu (6)
20. Who is **one** of your state's U.S. Senators now?	Barbara Boxer; Diane Feinstein (California state - 2010)
20. Hiện nay ai là **một** trong những Thượng Nghị Sĩ của tiểu bang quý vị?	Barbara Boxer; Diane Feinstein (tiểu bang California - 2010)
21. The House of Representatives has how many voting members?	Four hundred thirty-five (435)
21. Hạ Viện có bao nhiêu thành viên bỏ phiếu?	Bốn trăm ba mươi lăm (435)

This information made possible through a partnership with The Seattle Public Library, King County Library System, and City of Seattle New Citizen Initiative.

22. We elect a U.S. Representative for how many years?	Two (2)
22. Chúng ta bầu một Dân Biểu Hoa Kỳ cho bao nhiêu năm?	Hai (2)
23. Name your U.S. Representative.	Answers will vary. For information on finding your elected official, you may go to www.house.gov/zip/ZIP2Rep.html or you may ask your local librarian.
23. Nêu tên vị Dân Biểu của quý vị.	Câu trả lời sẽ tùy theo khu vực. Để tìm hiểu về viên chức do dân bầu của quý vị, quý vị có thể viếng trang mạng www.house.gov/zip/ZIP2Rep.html hoặc hỏi quản thủ viên thư viện tại địa phương quý vị.
24. Who does a U.S. Senator represent?	All people of that state
24. Thượng Nghị Sĩ Hoa Kỳ đại diện cho ai?	Tất cả dân chúng của tiểu bang đó
25. Why do some states have more Representatives than other states?	(Because of) the state's population; (because) they have more people; (because) some states have more people
25. Tại sao một số tiểu bang có nhiều Dân Biểu hơn những tiểu bang khác?	(Vì) dân số của tiểu bang ; (vì) họ có nhiều người hơn ; (vì) một số tiểu bang có nhiều người hơn
26. We elect a President for how many years?	Four (4)
26. Chúng ta bầu Tổng Thống cho bao nhiêu năm?	Bốn (4)
27. In what month do we vote for President?	November
27. Chúng ta bầu cử Tổng Thống vào tháng nào?	Tháng Mười Một
28. What is the name of the President of the United States now?	Barack Obama; Obama (2009)
28. Tổng Thống Hoa Kỳ hiện nay tên gì?	Barack Obama; Obama (2009)
29. What is the name of the Vice President of the United States now?	Joseph R. Biden, Jr.; Joe Biden; Biden
29. Phó Tổng Thống Hoa Kỳ hiện nay tên gì?	Joseph R. Biden, Jr.; Joe Biden; Biden
30. If the President can no longer serve, who becomes President?	The Vice President
30. Nếu Tổng Thống không thể phục vụ được nữa, thì ai trở thành Tổng Thống?	Phó Tổng Thống
31. If both the President and the Vice President can no longer serve, who becomes President?	The Speaker of the House
31. Nếu cả hai Tổng Thống và Phó Tổng Thống không thể phục vụ được nữa, thì ai trở thành Tổng Thống?	Chủ Tịch Hạ Viện

This information made possible through a partnership with The Seattle Public Library, King County Library System, and City of Seattle New Citizen Initiative.

32. Who is the Commander in Chief of the military?	The President
32. Ai là Tổng Tư Lệnh quân đội?	Tổng Thống
33. Who signs bills to become laws?	The President
33. Ai ký các dự luật để trở thành luật pháp?	Tổng Thống
34. Who vetoes bills?	The President
34. Ai có quyền phủ quyết các dự luật?	Tổng Thống
35. What does the President's Cabinet do?	Advise the President
35. Nội Các của Tổng Thống làm gì?	Cố vấn cho Tổng Thống
36. What are **two** Cabinet-level positions?	Secretary of Agriculture; Secretary of Commerce; Secretary of Defense; Secretary of Education; Secretary of Energy; Secretary of Health and Human Services; Secretary of Homeland Security; Secretary of Housing and Urban Development; Secretary of Interior; Secretary of State; Secretary of Transportation; Secretary of Treasury; Secretary of Veterans' Affairs; Secretary of Labor; Attorney General; Vice President
36. **Hai** chức vụ nào ở cấp Nội Các?	Bộ Trưởng bộ Nông Nghiệp; Bộ Trưởng bộ Thương Mại; Bộ Trưởng bộ Quốc Phòng; Bộ Trưởng bộ Giáo Dục; Bộ Trưởng bộ Năng Lượng; Bộ Trưởng bộ Y Tế và Phúc Lợi; Bộ Trưởng bộ Nội An; Bộ Trưởng bộ Gia Cư và Phát Triển Đô Thị; Bộ Trưởng bộ Nội Vụ; Bộ Trưởng bộ Ngoại Giao; Bộ Trưởng bộ Giao Thông; Bộ Trưởng bộ Tài Chánh; Bộ Trưởng bộ Sự Vụ Cựu Chiến Binh; Bộ Trưởng bộ Lao Động; Bộ Trưởng bộ Tư Pháp; Phó Tổng Thống
37. What does the judicial branch do?	Reviews laws; explains U.S. laws; resolves disputes (disagreements); decides if a law goes against the Constitution
37. Ngành tư pháp làm gì?	Xét duyệt pháp luật ; giải thích luật pháp Hoa Kỳ ; giải quyết các tranh chấp (bất đồng) ; quyết định xem một luật có trái với Hiến Pháp không.
38. What is the highest court in the United States?	The Supreme Court
38. Tòa án cao nhất ở Hoa Kỳ là gì?	Tối Cao Pháp Viện
39. How many justices are on the Supreme Court?	Nine (9)
39. Có bao nhiêu thẩm phán ở Tối Cao Pháp Viện?	Chín (9)
40. Who is the Chief Justice of the United States?	John Roberts (John G. Roberts Jr.)
40. Ai là Chánh Thẩm của Hoa Kỳ?	John Roberts (John G. Roberts Jr.)

This information made possible through a partnership with The Seattle Public Library, King County Library System, and City of Seattle New Citizen Initiative.

41. Under our Constitution, some powers belong to the federal government. What is **one** power of the federal government?	To print money; to declare war; to create an army; to make treaties
41. Theo Hiến Pháp, một số quyền lực thuộc về chính quyền liên bang. **Một** trong những quyền của chính phủ liên bang là gì?	In tiền ; tuyên chiến ; lập quân đội ; ký hiệp ước
42. Under our Constitution, some powers belong to the states. What is **one** power of the states?	Provide schooling and education; provide protection (police); provide safety (fire departments); give a driver's license; approve zoning and land use
42. Theo Hiến Pháp, một số quyền lực thuộc về tiểu bang. **Một** trong những quyền của tiểu bang là gì?	Cung cấp trường học và giáo dục ; cung cấp sự bảo vệ (cảnh sát) ; cung cấp sự an toàn (ban cứu hỏa) ; cấp bằng lái ; chấp thuận việc phân vùng và sử dụng đất đai
43. Who is the Governor of your state now?	Jerry Brown (California state - 2011)
43. Hiện nay ai là Thống Đốc của tiểu bang quý vị?	Jerry Brown (Tiểu bang California - 2011)
44. What is the capital of your state?	Sacramento (California state)
44. Thủ phủ của tiểu bang quý vị là gì?	Sacramento (Tiểu bang California)
45. What are the **two** major political parties in the United States?	Democratic and Republican
45. **Hai** đảng chính trị chủ yếu ở Hoa Kỳ là gì?	Dân Chủ và Cộng Hòa
46. What is the political party of the President now?	Democratic (Party)
46. Tổng Thống hiện nay thuộc đảng chính trị nào?	(Đảng) Dân Chủ
47. What is the name of the Speaker of the House of Representatives now?	John Boehner (2011)
47. Chủ Tịch Hạ Viện hiện nay tên gì?	John Boehner (2011)
Rights and Responsibilities	
Quyền Lợi và Trách Nhiệm	
48. There are four amendments to the Constitution about who can vote. Describe **one** of them.	Citizens 18 and older can vote; you don't have to pay (a poll tax) to vote; a male citizen of any race can vote; any citizen (women and men) can vote
48. Có bốn tu chánh án trong Hiến Pháp về việc ai có thể bầu cử. Hãy miêu tả **một** trong bốn tu chánh án đó.	Công dân từ 18 tuổi trở lên đều có thể bầu cử; quý vị không phải trả tiền (thuế thân) để được đi bầu; nam công dân của bất cứ chủng tộc nào đều có thể bầu cử; bất cứ công dân nào (nam và nữ) đều có thể bầu cử
49. What is **one** responsibility that is only for U.S. citizens?	Serve on a jury; vote in a federal election
49. Có **một** trách nhiệm nào chỉ dành cho công dân Hoa Kỳ?	Phục vụ trong bồi thẩm đoàn; bầu cử trong một kỳ tuyển cử liên bang

This information made possible through a partnership with The Seattle Public Library, King County Library System, and City of Seattle New Citizen Initiative.

50. Name **one** right only for United States citizens?	Vote in a federal election; run for federal office
50. Nêu lên **một** quyền lợi chỉ dành cho công dân Hoa Kỳ?	Bầu cử trong một kỳ tuyển cử liên bang; ứng cử chức vụ liên bang
51. What are **two** rights of everyone living in the United States?	Freedom of expression; freedom of speech; freedom of assembly; freedom to petition the government; freedom of worship; the right to bear arms
51. Có **hai** quyền lợi gì dành cho mọi người sinh sống ở Hoa Kỳ?	Tự do phát biểu ý kiến; tự do ngôn luận; tự do hội họp; tự do thỉnh nguyện chính quyền; tự do thờ phượng; quyền mang vũ khí
52. What do we show loyalty to when we say the Pledge of Allegiance?	The United States; the flag
52. Chúng ta bày tỏ sự trung thành với ai khi chúng ta đọc lời Tuyên Thệ Trung Thành?	Hoa Kỳ; quốc kỳ
53. What is **one** promise you make when you become a United States citizen?	Give up loyalty to other countries; defend the Constitution and laws of the United States; obey the laws of the United States; serve in the U.S. military (if needed); serve (do important work for) the nation (if needed); be loyal to the United States
53. **Một** lời hứa của quý vị khi trở thành công dân Hoa Kỳ là gì?	Từ bỏ lòng trung thành với các quốc gia khác; bảo vệ Hiến Pháp và luật pháp Hoa Kỳ; tuân thủ luật pháp Hoa Kỳ; phục vụ trong quân đội Hoa Kỳ (nếu cần); phục vụ (thi hành công việc quan trọng cho) quốc gia (nếu cần); trung thành với Hoa Kỳ
54. How old do citizens have to be to vote for President?	Eighteen (18) and older
54. Công dân phải bao nhiêu tuổi mới được bầu cử Tổng Thống?	Mười tám (18) và lớn hơn
55. What are **two** ways that Americans can participate in their democracy?	Vote; join a political party; help with a campaign; join a civic or community group; give an elected official your opinion on an issue; call Senators and Representatives; publicly support or oppose an issue or policy; run for office; write to a newspaper
55. Có **hai** cách gì để dân Mỹ có thể tham gia vào nền dân chủ của mình?	Bầu cử; gia nhập một đảng chính trị; tham dự vào một cuộc vận động tranh cử; gia nhập đoàn thể công dân hoặc cộng đồng; đóng góp ý kiến với một viên chức dân bầu về một vấn đề; gọi điện thoại cho các Thượng Nghị Sĩ và Dân Biểu; công khai ủng hộ hoặc phản đối một vấn đề hoặc chính sách; ứng cử; góp ý kiến trên báo chí
56. When is the last day you can send in federal income tax forms?	April 15
56. Bao giờ là kỳ hạn cuối cùng để nộp đơn khai thuế lợi tức liên bang?	15 tháng Tư

This information made possible through a partnership with The Seattle Public Library, King County Library System, and City of Seattle New Citizen Initiative.

57. When must all men register for the Selective Service?	At age 18; between the ages of 18 and 26
57. Khi nào thì tất cả nam giới đều phải đăng ký với ban công tác tuyển quân (Selective Service)?	Lúc 18 tuổi; khoảng tuổi từ 18 và 26
AMERICAN HISTORY QUESTIONS	
CÁC CÂU HỎI VỀ LỊCH SỬ HOA KỲ	
Colonial Period and Independence	
Thời kỳ Thuộc Địa và Độc Lập	
58. What is **one** reason colonists came to America?	Freedom; political liberty; religious freedom; economic opportunity; practice their religion; escape persecution
58. **Một** lý do khiến người di dân Thời Thuộc Địa đã đến đất Mỹ là gì?	Tự do; tự do chính trị; tự do tôn giáo; cơ hội kinh tế; hành đạo theo tôn giáo của họ; trốn thoát sự hành hạ ngược đãi
59. Who lived in America before the Europeans arrived?	Native Americans; American Indians
59. Ai đã sống ở đất Mỹ trước khi người Âu Châu đến?	Thổ dân Châu Mỹ; Thổ dân Hoa Kỳ
60. What group of people was taken to America and sold as slaves?	Africans; people from Africa
60. Nhóm người nào đã bị đưa đến đất Mỹ và bị bán làm nô lệ?	Người Phi Châu; những người từ Phi Châu
61. Why did the colonists fight the British?	Because of high taxes (taxation without representation); because the British army stayed in their houses (boarding, quartering); because they didn't have self-government
61. Tại sao những người thuộc địa đã đấu tranh chống lại Anh Quốc?	Vì thuế nặng (nộp thuế mà không có quyền đại diện); vì quân đội Anh Quốc đã ở trong nhà họ (ăn ở, lập trụ sở); vì họ đã không được quyền tự trị
62. Who wrote the Declaration of Independence?	(Thomas) Jefferson
62. Ai viết Bản Tuyên Ngôn Độc Lập?	(Thomas) Jefferson
63. When was the Declaration of Independence adopted?	July 4, 1776
63. Bản Tuyên Ngôn Độc Lập được thông qua lúc nào?	4 tháng Bảy, 1776
64. There were 13 original states. Name **three**.	New Hampshire; Massachusetts; Rhode Island; Connecticut; New York; New Jersey; Pennsylvania; Delaware; Maryland; Virginia; North Carolina; South Carolina; Georgia
64. Có 13 tiểu bang đầu tiên. Hãy nêu ra **ba** tiểu bang.	New Hampshire; Massachusetts; Rhode Island; Connecticut; New York; New Jersey; Pennsylvania; Delaware; Maryland; Virginia; North Carolina; South Carolina; Georgia

This information made possible through a partnership with The Seattle Public Library, King County Library System, and City of Seattle New Citizen Initiative.

65. What happened at the Constitutional Convention?	The Constitution was written; the Founding Fathers wrote the Constitution
65. Điều gì đã xảy ra ở Hội Nghị Hiến Pháp?	Hiến Pháp được viết ra; Các Nhà Lập Quốc đã viết ra Hiến Pháp
66. When was the Constitution written?	1787
66. Hiến Pháp đã được viết ra lúc nào?	1787
67. The Federalist Papers supported the passage of the U.S. Constitution. Name **one** of the writers.	(James) Madison; (Alexander) Hamilton; (John) Jay; Publius
67. Các bài tham luận được gọi "The Federalist Papers" ủng hộ việc thông qua Hiến Pháp Hoa Kỳ. Nêu tên **một** trong những người viết tham luận này.	(James) Madison; (Alexander) Hamilton; (John) Jay; Publius
68. What is **one** thing Benjamin Franklin is famous for?	U.S. diplomat; oldest member of the Constitutional Convention; first Postmaster General of the United States; writer of "Poor Richard's Almanac"; started the first free libraries
68. Benjamin Franklin nổi tiếng vì **một** điều gì?	Nhà ngoại giao Hoa Kỳ; thành viên cao tuổi nhất của Hội Nghị Hiến Pháp; Tổng Giám Đốc Bưu Cục đầu tiên của Hoa Kỳ; tác giả quyển "Poor Richard's Almanac"; đã bắt đầu các thư viện miễn phí đầu tiên
69. Who is the "Father of Our Country"?	(George) Washington
69. Ai được gọi là "Người Cha của Đất Nước Chúng Ta"?	(George) Washington
70. Who was the first President?	(George) Washington
70. Ai là Tổng Thống đầu tiên?	(George) Washington
1800s	
NHỮNG NĂM 1800	
71. What territory did the U.S. buy from France in 1803?	The Louisiana Territory; Louisiana
71. Hoa Kỳ đã mua địa hạt nào của Pháp vào năm 1803?	Địa hạt Louisiana; Louisiana
72. Name **one** war fought by the United States in the 1800s.	War of 1812; Mexican-American War; Civil War; Spanish-American War
72. Nêu tên **một** cuộc chiến mà Hoa Kỳ đã chiến đấu trong những năm 1800.	Cuộc Chiến năm 1812; Chiến Tranh Hoa Kỳ-Mễ Tây Cơ; Nội Chiến; Chiến Tranh Hoa Kỳ-Tây Ban Nha
73. Name the U.S. war between the North and the South.	The Civil War; the War between the States
73. Nêu tên cuộc chiến ở Hoa Kỳ giữa Miền Bắc và Miền Nam.	Nội Chiến; Chiến Tranh giữa Các Tiểu Bang
74. Name **one** problem that led to the Civil War.	Slavery; economic reasons; states' rights
74. Nêu ra **một** vấn đề đã dẫn đến cuộc Nội Chiến.	Nô lệ; các lý do kinh tế; các quyền lợi của tiểu bang

This information made possible through a partnership with The Seattle Public Library, King County Library System, and City of Seattle New Citizen Initiative.

75. What was **one** important thing that Abraham Lincoln did?	Freed the slaves (Emancipation Proclamation); saved (or preserved) the Union; led the United States during the Civil War
75. **Một** điều quan trọng mà Abraham Lincoln đã làm là điều gì?	Trả tự do cho nô lệ (Bản Tuyên Ngôn Giải Phóng); giải cứu (hoặc bảo toàn) Liên Bang; lãnh đạo Hoa Kỳ trong cuộc Nội Chiến
76. What did the Emancipation Proclamation do?	Freed the slaves; freed slaves in the Confederacy; freed slaves in the Confederate states; freed slaves in most Southern states
76. Bản Tuyên Ngôn Giải Phóng đã thực hiện điều gì?	Trả tự do cho nô lệ; giải phóng nô lệ trong nhóm Liên Minh; giải thoát nô lệ ở các tiểu bang trong nhóm Liên Minh; giải phóng nô lệ trong phần lớn các tiểu bang ở miền Nam
77. What did Susan B. Anthony do?	Fought for women's rights; fought for civil rights
77. Susan B. Anthony đã làm gì?	Tranh đấu cho quyền lợi của phụ nữ; tranh đấu cho dân quyền
Recent American History and Other Important Historical Information	
Lịch Sử Đương Đại của Hoa Kỳ và những Thông Tin Lịch Sử Quan Trọng Khác	
78. Name **one** war fought by the United States in the 1900s.	World War I; World War II; Korean War; Vietnam War; (Persian) Gulf War
78. Nêu tên **một** cuộc chiến mà Hoa Kỳ đã chiến đấu trong những năm 1900.	Thế Chiến Thứ Nhất; Thế Chiến Thứ Hai; Chiến Tranh Đại Hàn; Chiến Tranh Việt Nam; Chiến Tranh Vùng Vịnh (Ba Tư)
79. Who was President during World War I?	(Woodrow) Wilson
79. Ai là Tổng Thống trong Thế Chiến Thứ Nhất	(Woodrow) Wilson
80. Who was President during the Great Depression and World War II?	(Franklin) Roosevelt
80. Ai là Tổng Thống trong thời kỳ Khủng Hoảng Kinh Tế và Thế Chiến Thứ Hai?	(Franklin) Roosevelt
81. Who did the United States fight in World War II?	Japan, Germany, and Italy
81. Hoa Kỳ đã chiến đấu chống ai trong Thế Chiến Thứ Hai?	Nhật, Đức, và Ý
82. Before he was President, Eisenhower was a general. What war was he in?	World War II
82. Trước khi làm Tổng Thống, Eisenhower là một tướng lãnh. Ông đã chiến đấu trong cuộc chiến nào?	Thế Chiến Thứ Hai
83. During the Cold War, what was the main concern of the United States?	Communism
83. Trong thời Chiến Tranh Lạnh, mối quan tâm chính của Hoa Kỳ là gì?	Chủ nghĩa Cộng Sản

This information made possible through a partnership with The Seattle Public Library, King County Library System, and City of Seattle New Citizen Initiative.

84. What movement tried to end racial discrimination?	Civil rights (movement)
84. Phong trào nào đã cố gắng chấm dứt sự phân biệt chủng tộc?	(Phong trào) dân quyền
85. What did Martin Luther King Jr. do?	Fought for civil rights; worked for equality for all Americans
85. Martin Luther King Jr. đã làm gì?	Đấu tranh cho dân quyền; hoạt động nhằm mang lại sự bình đẳng cho mọi người Mỹ
86. What major event happened on September 11, 2001 in the United States?	Terrorists attacked the United States
86. Sự kiện trọng đại nào đã xảy ra ở Hoa Kỳ vào ngày 11 tháng Chín, 2001?	Bọn khủng bố đã tấn công Hoa Kỳ
87. Name **one** American Indian tribe in the United States.	Cherokee; Navajo; Sioux; Chippewa; Choctaw; Pueblo; Apache; Iroquois; Creek; Blackfeet; Seminole; Cheyenne; Arawak; Shawnee; Mohegan; Huron; Oneida; Lakota; Crow; Teton; Hopi; Inuit
87. Nêu tên **một** bộ lạc Thổ dân Hoa Kỳ.	Cherokee; Navajo; Sioux; Chippewa; Choctaw; Pueblo; Apache; Iroquois; Creek; Blackfeet; Seminole; Cheyenne; Arawak; Shawnee; Mohegan; Huron; Oneida; Lakota; Crow; Teton; Hopi; Inuit
INTEGRATED CIVICS QUESTIONS	
CÂU HỎI TỔNG HỢP VỀ KIẾN THỨC CÔNG DÂN	
Geography	
Địa Lý	
88. Name **one** of the two longest rivers in the United States.	Missouri (River); Mississippi (River)
88. Nêu tên **một** trong hai con sông dài nhất ở Hoa Kỳ.	(Sông) Missouri; (Sông) Mississippi
89. What ocean is on the West Coast of the United States?	Pacific (Ocean)
89. Đại dương nào ở Bờ Biển Phía Tây Hoa Kỳ?	Thái Bình Dương
90. What ocean is on the East Coast of the United States?	Atlantic (Ocean)
90. Đại dương nào ở Bờ Biển Phía Đông Hoa Kỳ?	Đại Tây Dương
91. Name **one** U.S. territory.	Puerto Rico; U.S. Virgin Islands; American Samoa; Northern Mariana Islands; Guam
91. Nêu tên **một** địa hạt của Hoa Kỳ.	Puerto Rico; U.S. Virgin Islands; American Samoa; Northern Mariana Islands; Guam
92. Name **one** state that borders Canada.	Maine; New Hampshire; Vermont; New York; Pennsylvania; Ohio; Michigan; Minnesota; North Dakota; Montana; Idaho; Washington; Alaska
92. Nêu tên **một** tiểu bang tiếp giáp với Gia Nã Đại (Canada)	Maine; New Hampshire; Vermont; New York; Pennsylvania; Ohio; Michigan; Minnesota; North Dakota; Montana; Idaho; Washington; Alaska

This information made possible through a partnership with The Seattle Public Library, King County Library System, and City of Seattle New Citizen Initiative.

93. Name **one** state that borders Mexico.	California; Arizona; New Mexico; Texas
93. Nêu tên **một** tiểu bang tiếp giáp với Mễ Tây Cơ (Mexico)	California; Arizona; New Mexico; Texas
94. What is the capital of the United States?	Washington, D.C.
94. Thủ đô của Hoa Kỳ là gì?	Washington, D.C.
95. Where is the Statue of Liberty?	New York (Harbor); Liberty Island [Also acceptable are New Jersey, near New York City, and on the Hudson (River).]
95. Tượng Thần Tự Do ở đâu?	New York (Harbor); Liberty Island [Những câu trả lời khác cũng được chấp nhận là New Jersey, gần thành phố New York, và trên (Sông) Hudson]
Symbols	
Các Biểu Tượng	
96. Why does the flag have 13 stripes?	Because there were 13 original colonies; because the stripes represent the original colonies
96. Tại sao quốc kỳ Mỹ có 13 sọc?	Vì có 13 tiểu bang thuộc địa đầu tiên; vì các sọc đó tượng trưng cho các tiểu bang thuộc địa đầu tiên
97. Why does the flag have 50 stars?	Because there is one star for each state; because each star represents a state; because there are 50 states
97. Tại sao quốc kỳ Mỹ có 50 ngôi sao?	Vì có một ngôi sao cho mỗi tiểu bang; vì mỗi ngôi sao tượng trưng cho một tiểu bang; vì có 50 tiểu bang
98. What is the name of the national anthem?	The Star-Spangled Banner
98. Tên của bản quốc ca Mỹ là gì?	The Star-Spangled Banner
Holidays	
Các Ngày Lễ	
99. When do we celebrate Independence Day?	July 4
99. Khi nào chúng ta ăn mừng Lễ Độc Lập?	4 tháng Bảy
100. Name **two** national U.S. holidays.	New Year's Day; Martin Luther King Jr. Day; Presidents Day; Memorial Day; Independence Day; Labor Day; Columbus Day; Veterans Day; Thanksgiving; Christmas
100. Nêu tên **hai** ngày lễ quốc gia của Hoa Kỳ.	Tết Dương Lịch; Martin Luther King Jr. Day; Ngày Tổng Thống; Lễ Chiến Sĩ Trận Vong; Lễ Độc Lập; Lễ Lao Động; Ngày Columbus; Lễ Cựu Chiến Binh; Lễ Tạ Ơn; Lễ Giáng Sinh

This information made possible through a partnership with The Seattle Public Library, King County Library System, and City of Seattle New Citizen Initiative.

Study Questions for ELDERLY APPLICANTS
Câu Hỏi Học Thi dành cho CÁC ĐƯƠNG ĐƠN LỚN TUỔI

Những người trên 65 tuổi là Thường Trú Nhân Hợp Pháp (có thẻ xanh) và là những người đã sinh sống ở Hoa Kỳ như là Thường Trú Nhân Hợp Pháp được ít nhất 20 năm được hưởng quy định khác về kiến thức môn công dân (lịch sử và chính phủ). Họ cũng có thể có đủ điều kiện được thi bằng tiếng mẹ đẻ của họ. Xin xem *phần E* để biết thêm chi tiết.

QUESTIONS HỎI	ANSWERS ĐÁP
1. What is **one** right or freedom from the First Amendment?	Speech; religion; assembly; press; petition the government
1. **Một** quyền hoặc tự do từ Tu Chánh Án thứ Nhất là gì?	Ngôn luận; tôn giáo; hội họp; báo chí; thỉnh nguyện tới chính phủ
2. What is the economic system in the United States?	Capitalist economy; market economy
2. Hệ thống kinh tế ở Hoa Kỳ là gì?	Kinh tế tư bản; kinh tế thị trường
3. Name **one** branch or part of the government.	Legislative (Congress); executive (President); judicial (the courts)
3. Nêu ra **một** ngành hoặc phần của chính phủ.	Lập pháp (Quốc Hội); hành pháp (Tổng Thống); tư pháp (tòa án)
4. What are the **two** parts of the U.S. Congress?	The Senate and House (of Representatives)
4. **Hai** phần của Quốc Hội Hoa Kỳ là gì?	Thượng Viện và Hạ Viện
5. Who is **one** of your state's U.S. Senators now?	Barbara Boxer; Diane Feinstein (California state - 2010)
5. Hiện nay ai là **một** trong những Thượng Nghị Sĩ của tiểu bang quý vị?	Barbara Boxer; Diane Feinstein (tiểu bang California - 2010)
6. In what month do we vote for President?	November
6. Chúng ta bầu cử Tổng Thống vào tháng nào?	Tháng Mười Một
7. What is the name of the President of the U.S. now?	Barack Obama; Obama (2009)
7. Tổng Thống Hoa Kỳ hiện nay tên gì?	Barack Obam; Obama (2009)
8. What is the capital of your state?	Sacramento (California state)
8. Thủ phủ của tiểu bang quý vị là gì?	Sacramento (Tiểu bang California)
9. What are the **two** major political parties in the United States?	Democratic and Republican
9. **Hai** đảng chính trị chủ yếu ở Hoa Kỳ là gì?	Dân Chủ và Cộng Hòa
10. What is **one** responsibility that is only for U.S. citizens?	Serve on a jury; vote in a federal election
10. Có **một** trách nhiệm nào chỉ dành cho công dân Hoa Kỳ?	Phục vụ trong bồi thẩm đoàn; bầu cử trong một kỳ tuyển cử liên bang

This information made possible through a partnership with The Seattle Public Library, King County Library System, and City of Seattle New Citizen Initiative.

11. How old do citizens have to be to vote for President?	Eighteen (18) and older
11. Công dân phải bao nhiêu tuổi mới được bầu cử Tổng Thống?	Mười tám (18) và lớn hơn
12. When is the last day you can send in federal income tax forms?	April 15
12. Bao giờ là kỳ hạn cuối cùng để nộp đơn khai thuế lợi tức liên bang?	15 tháng Tư
QUESTIONS	**ANSWERS**
HỎI	**ĐÁP**
13. Who was the first President?	(George) Washington
13. Ai là Tổng Thống đầu tiên?	(George) Washington
14. What was **one** important thing that Abraham Lincoln did?	Freed the slaves (Emancipation Proclamation); saved (preserved) the Union; led U.S. during the Civil War
14. **Một** điều quan trọng mà Abraham Lincoln đã làm là điều gì?	Trả tự do cho nô lệ (Bản Tuyên Ngôn Giải Phóng); giải cứu (hoặc bảo toàn) Liên Bang; lãnh đạo Hoa Kỳ trong cuộc Nội Chiến
15. Name **one** war fought by the United States in the 1900s.	World War I; World War II; Korean War; Vietnam War; (Persian) Gulf War
15. Nêu tên **một** cuộc chiến mà Hoa Kỳ đã chiến đấu trong những năm 1900.	Thế Chiến Thứ Nhất; Thế Chiến Thứ Hai; Chiến Tranh Đại Hàn; Chiến Tranh Việt Nam; Chiến Tranh Vùng Vịnh (Ba Tư)
16. What did Martin Luther King Jr. do?	Fought for civil rights; worked for equality for all Americans
16. Martin Luther King Jr. đã làm gì?	Đấu tranh cho dân quyền; hoạt động nhằm mang lại sự bình đẳng cho mọi người Mỹ
17. What is the capital of the United States?	Washington, D.C.
17. Thủ đô của Hoa Kỳ là gì?	Washington, D.C.
18. Where is the Statue of Liberty?	New York (Harbor); Liberty Island [Also acceptable are New Jersey, near New York City, and on the Hudson (River).]
18. Tượng Thần Tự Do ở đâu?	New York (Harbor); Liberty Island [Những câu trả lời khác cũng được chấp nhận là New Jersey, gần thành phố New York, và trên (Sông) Hudson]
19. Why does the flag have 50 stars?	Because there is one star for each state; because each star represents a state; because there are 50 states
19. Tại sao quốc kỳ Mỹ có 50 ngôi sao?	Vì có một ngôi sao cho mỗi tiểu bang; vì mỗi ngôi sao tượng trưng cho một tiểu bang; vì có 50 tiểu bang
20. When do we celebrate Independence Day?	July 4
20. Khi nào chúng ta ăn mừng Lễ Độc Lập?	4 tháng Bảy

This information made possible through a partnership with The Seattle Public Library, King County Library System, and City of Seattle New Citizen Initiative.

PHẦN G:
TÀI LIỆU HỌC THI NHẬP TỊCH MÔN ANH VĂN

Để hội đủ điều kiện nhập tịch, quý vị phải biết đọc, viết, và nói tiếng Anh cấp đàm thoại. Những từ vựng trong trang này bao gồm tất cả chữ trong phần đọc và viết của môn thi Anh văn.

Từ Vựng

Từ vựng dành cho phần đọc Quý vị sẽ được yêu cầu đọc một câu. Quý vị được đọc ba lần và phải có một lần đọc đúng.		Từ vựng dành cho phần viết Quý vị sẽ được yêu cầu viết một câu. Quý vị được viết ba lần và phải có một lần viết đúng.	
PEOPLE Abraham Lincoln George Washington **CIVICS** American flag Bill of Rights capital citizen city Congress country Father of Our Country government President right Senators State/states White House **PLACES** America United States U.S. **HOLIDAYS** Presidents' Day Memorial Day Flag Day Independence Day Labor Day Columbus Day Thanksgiving	**QUESTION WORDS** How What When Where Who Why **VERBS** can come do/does elects have/has is/are/was/be lives/lived meet name pay vote want **OTHER (FUNCTION)** a for here in of on the to we **OTHER (CONTENT)** colors dollar bill first largest many most north one people second south	**PEOPLE** Adams Lincoln Washington **CIVICS** American Indians capital citizens Civil War Congress Father of Our Country flag free freedom of speech President right Senators state/states White House **PLACES** Alaska California Canada Delaware Mexico New York City United States Washington Washington, D.C. **MONTHS** February May June July September October November **HOLIDAYS** Presidents Day Memorial Day Flag Day Independence Day Labor Day Columbus Day Thanksgiving	**VERBS** can come elect have/has is/was/be lives/lived meets pay vote want **OTHER (FUNCTION)** and during for here in of on the to we **OTHER (CONTENT)** blue colors dollar bill fifty/50 first largest most north one one hundred/100 people red second south taxes white

This information made possible through a partnership with The Seattle Public Library, King County Library System, and City of Seattle New Citizen Initiative.

Từ vựng dành cho phần đọc Quý vị sẽ được yêu cầu đọc một câu. Quý vị được đọc ba lần và phải có một lần đọc đúng.		Từ vựng dành cho phần viết Quý vị sẽ được yêu cầu viết một câu. Quý vị được viết ba lần và phải có một lần viết đúng.	
NHÂN VẬT Abraham Lincoln George Washington **KIẾN THỨC CÔNG DÂN** Cờ Mỹ Bản Tuyên Ngôn Nhân Quyền thủ đô công dân Thành phố Quốc Hội đất nước Người Cha của Đất Nước Chúng Ta chính phủ Tổng Thống quyền, quyền lợi Các Thượng Nghị Sĩ Tiểu bang/các tiểu bang White House (Tòa Bạch Ốc) **NƠI CHỐN** Mỹ Hoa Kỳ Hoa Kỳ **NGÀY LỄ** Ngày Tổng Thống Lễ Chiến Sĩ Trận Vong Ngày Lễ Quốc Kỳ Lễ Độc Lập Lễ Lao Động Ngày Columbus Lễ Tạ Ơn	**CÁC CHỮ ĐỂHỎI** như thế nào cái gì khi nào ở đâu ai tại sao **ĐỘNG TỪ** có thể đến làm bàu, chọn có là/đã là sống/đã sống hội họp, gặp gỡ nêu tên trả bầu cử muốn **NHỮNG CHỮ KHÁC (CHỨC NĂNG)** một cho ở đây trong của trên (“the”: không có trong tiếng Việt) đến chúng tôi **NHỮNG CHỮ KHÁC (NỘI DUNG)** các màu sắc giấy bạc đồng Mỹ kim thứ nhất to nhất nhiều đa số hướng bắc một người dân thứ nhì, thứ hai hướng nam	**NHÂN VẬT** Adams Lincoln Washington **KIẾN THỨC CÔNG DÂN** Thổ dân Hoa Kỳ thủ đô các công dân Nội Chiến Quốc Hội Người Cha của Đất Nước Chúng Ta cờ tự do tự do ngôn luận Tổng Thống quyền, quyền lợi Các Thượng Nghị Sĩ Tiểu bang/các tiểu bang White House (Tòa Bạch Ốc) **NƠI CHỐN** Alaska California Canada Delaware Mexico New York City Hoa Kỳ Washington Washington, D.C. **THÁNG** Tháng Hai Tháng Năm Tháng Sáu Tháng Bảy Tháng Chín Tháng Mười Tháng Mười Một **NGÀY LỄ** Ngày Tổng Thống Lễ Chiến Sĩ Trận Vong Ngày Lễ QuốcKỳ Lễ Độc Lập Lễ Lao Động Ngày Columbus Lễ Tạ Ơn	**ĐỘNG TỪ** có thể đến bàu, chọn có là/đã là sống/đã sống hội họp, gặp gỡ nêu tên trả bầu cử muốn **NHỮNG CHỮ KHÁC (CHỨC NĂNG)** và trong khi cho ở đây trong của trên (“the”: không có trong tiếng Việt) đến chúng tôi **NHỮNG CHỮ KHÁC (NỘI DUNG)** màu xanh dương các màu sắc giấy bạc đồng Mỹ kim năm mươi/50 thứ nhất to nhất đa số hướng bắc một một trăm/100 người, người dân màu đỏ thứ nhì, thứ hai hướng nam thuế màu trắng

This information made possible through a partnership with The Seattle Public Library, King County Library System, and City of Seattle New Citizen Initiative.

PHẦN H:
CÁC TỔ CHỨC CÓ THỂ GIÚP VỀ VIỆC TRỞ THÀNH CÔNG DÂN

Tổ Chức & Điện Thoại	Miêu Tả Dịch Vụ	Ngôn Ngữ	Địa Điểm Phục Vụ	
African Immigrant and Refugee Resource Center (AIRRC) 415-433-7300; 415-433-7301; 415-433-7372	▪ Trợ giúp di dân	Có thể bao gồm tiếng Amharic, A-Rập, Pháp, Hindi, Kiswahili, Telugu và Tigrigna	1290 Fillmore Street. San Francisco CA 94115	
Asian Law Caucus (ALC) 415-896-1701	▪ Di dân	Có thể bao gồm tiếng Miến Điện, Quảng Đông, Cebuano, Phi Luật Tân, Gujarati, Hindi, Hmong, Đại Hàn, Quan Thoại, và tiếng Việt	939 Market Street, Suite 201. San Francisco CA 94103	
Asian-Pacific Islander Legal Outreach 415-567-6255	▪ Di dân	Tiếng Quảng Đông, Tiều, Phi Luật Tân, Nhật Bản, Đại Hàn, Quan Thoại, và tiếng Việt	1188 Franklin Street, Suite 202 San Francisco, CA 94109	
Capp Street Senior Center 415-206-7750 or 415-206-7759	▪ Chỉ dẫn thi trở thành công dân	Tiếng Tây Ban Nha	362 Capp Street San Francisco, CA 94110	
Catholic Charities CYO Citizenship and Immigrant Assistance 415-972-1313	▪ Chỉ dẫn thi trở thành công dân ▪ Trợ giúp di dân	Tiếng Quảng Đông, Phi Luật Tân, Lào, Quan Thoại, Tiếng Nga, Tây Ban Nha, và tiếng Việt	180 Howard Street Suite 310 San Francisco, CA 94105	
Central American Resource Center (CARECEN) 415-642-4400	▪ Chỉ dẫn thi trở thành công dân ▪ Trợ giúp di dân	Tiếng Tây Ban Nha	1245 Alabama Street San Francisco, CA94110	
Centro Latino de San Francisco 415-861-8758	▪ Chỉ dẫn thi trở thành công dân	Tiếng Tây Ban Nha	1656 15th Street. San Francisco, CA 94103	
Chinatown-North Beach Community College Campus 415-561-1850	▪ Chỉ dẫn thi trở thành công dân	Tiếng Quảng Đông, và Quan Thoại	940 Filbert St., San Francisco, CA 94133	
Chinese Newcomers Services Center 415-421-2111	▪ Chỉ dẫn thi trở thành công dân	Tiếng Quảng Đông, Quan Thoại và những phương ngữ tiếng Hoa khác	777 Stockton Street, Room 104. San Francisco, CA 94108	
Episcopal Community Services of San Francisco (ECS) 415-863-3893	▪ Chỉ dẫn thi trở thành công dân	Tiếng Tây Ban Nha	201 8th Street. San Francisco CA 94103	

This information made possible through a partnership with The Seattle Public Library, King County Library System, and City of Seattle New Citizen Initiative.

Tổ Chức & Điện Thoại	Miêu Tả Dịch Vụ	Ngôn Ngữ	Địa Điểm Phục Vụ	
Immigrant Legal Resource Center 415-255-9499	▪ Trợ giúp di dân	Tiếng Tây Ban Nha	1663 Mission St., Room 602, San Francisco, CA 94102	
International Institute of the Bay Area 415-538-8100	▪ Chỉ dẫn thi trở thành công dân ▪ Trợ giúp di dân	Tiếng A-Rập, Quảng Đông, Quan Thoại, tiếng Nga, và Tây Ban Nha	657 Mission Street, Suite 500 San Francisco, CA 94105	
International Rescue Committee (IRC) 415-863-3777;877-REFUGEE, or 877-733-8433	▪ Hạn chế dịch vụ di dân	Có thể bao gồm Tiếng Nam Tư, Miến Điện, Croatian, Pháp, Karin, Nga, Tây Ban Nha, và Thái Lan	965 Mission Street, Suite 218 San Francisco, CA 94103	
Irish Immigration Pastoral Center 415-752-6006	▪ Di dân	Dành cho tiếng Anh	5340 Geary Boulevard, Suite 206. San Francisco CA 94121	
Jewish Family and Children's Services (JFCS) 415-449-1200	▪ Dịch vụ pháp lý về di dân	Tiếng Hebrew, Nga, và Yiddish. Các ngôn ngữ khác phải được sắp đặt trước	2150 Post Street San Francisco, CA 94115	
Korean American Community Center of San Francisco and Bay Area 415-252-1346	▪ Chỉ dẫn thi trở thành công dân	Tiếng Đại Hàn	745 Buchanan Street. San Francisco CA 94102	
Korean Center, Inc. 415-441-1881	▪ Chỉ dẫn thi trở thành công dân	Tiếng Đại Hàn	1362 Post Street. San Francisco, CA 94109	
La Raza Community Resource Center 415-863-0764	▪ Dịch vụ di dân	Tiếng Tây Ban Nha	474 Valencia Street, Suite 100. San Francisco CA 94103	
Lawyers' Committee for Civil Rights of the San Francisco Bay Area (LCCR) 415-543-9444	▪ Trợ giúp di dân	Có thể bao gồm tiếng Tây Ban Nha	131 Steuart Street, Suite 400 San Francisco CA94105	
National Center for Lesbian Rights (NCLR). 415-392-6257	▪ Di dân	Tiếng Tây Ban Nha	870 Market Street, Suite 570. San Francisco CA 94102	
Self-Help for the Elderly 415-677-7600	▪ Chỉ dẫn thi trở thành công dân	Tiếng Quảng Đông, Phi Luật Tân, Quan Thoại, Nga, và phương ngữ Taishan	407 Sansome Street. San Francisco CA 94111	
United States Citizenship and Immigration Services 800-3575283	▪ Dịch vụ di dân	Đa số loại ngôn ngữ	630 Sansome Street (mailing address), San Francisco CA 94111	444 Washington Street (Information Room), San Francisco CA 94111

This information made possible through a partnership with The Seattle Public Library, King County Library System, and City of Seattle New Citizen Initiative.

United Way of the Bay Area HELPLINK/211 211 (San Francisco); 800-273-6222 or 415-808-HELP (4357) (HELPLINK Bay Area); 415-808-4300 (administration)	▪ Trợ giúp di dân	Tiếng Quảng Đông, và Quan Thoại, và Tây Ban Nha. Có dịch vụ thông dịch	221 Main Street, Suite 300, San Francisco, CA 94105	

Các tổ chức khác có thể giúp về việc trở thành công dân

Các Tổ Chức	Điện thoại	Địa điểm
Federal Citizen Information Center National Contact Center (FCIC)	1-800-FED-INFO or 1-800-333-4636	
Dolores Housing Program	415-282-3078	938 Valencia St., San Francisco, CA 94110

This information made possible through a partnership with The Seattle Public Library, King County Library System, and City of Seattle New Citizen Initiative.

PHẦN I:
NHỮNG NƠI DẠY ANH NGỮ LÀ NGÔN NGỮ THỨ HAI (ESL)

Danh sách này cung cấp thông tin *về **các lớp học ESL và các dịch vụ dạy kèm***. LƯU Ý: **Địa chỉ văn phòng chính của một tổ chức có thể khác với địa điểm lớp học.** Nếu quý vị cần được giúp đỡ thêm, xin gọi **415-557-4300**

CÁC TỔ CHỨC	ĐIỆN THOẠI	ĐỊA CHỈ
ArribaJuntos	415-487-3240	1850 Mission Street. San Francisco, CA 94103
Capp Street Senior Center	415-206-7750	362 Capp Street. San Francisco, CA 94110
Career Resources Development Center	415-441-8154	875 O'Farrell Street, Suite 102. San Francisco, CA 94102
Catholic Charities CYO (CCCYO)	415-972-1311	180 Howard Street. San Francisco, CA 94105
Central American Resource Center	415-642-4400	1245 Alabama Street. San Francisco, CA 94110
Chinatowm Beacon Center	415-983-9510 415-982-0615 Ext. 24 (program office)	36 Waverly Place, #1. San Francisco, CA 94109 Program Office: 80 Fresno Street. San Francisco, CA 94133
Chinese Newcomers Service Center	415-421-2111	777 Stockton Street, Room 104. San Francisco, CA 94108
City College of San Francisco English as a Second Language (ESL) Department	415-239-3003	50 Phelan Avenue. San Francisco, CA 94112
City College of San Francisco English as a Second Language (ESL) Department Chinatown/North Beach Campus	415-406-1071	940 Filbert Street. San Francisco, CA 94133
City College of San Francisco Southeast Campus	415-550-4347	1800 Oakdale Avenue. San Francisco, CA 94124
Community Youth Center-San Francisco (CYC-SF)	415-775-2636	1237 Van Ness Avenue, Suite 200. San Francisco, CA 94109
Dolores Street Community Services	415-282-3078	938 Valencia Street. San Francisco, CA 94110
Episcopal Community Services of San Francisco Sanctuary Program	415863-3893	201 8th Street. San Francisco, CA 94103
Good Samaritan Family Resource Center	415-401-4253	1294 Potrero Avenue. San Francisco, CA 94110
Homeless Prenatal Program (HPP)	415-546-6756	2500 18th Street. San Francisco, CA 94110
International Institute of the Bay Area	415-538-8100	657 Mission Street, Suite 500. San Francisco, CA 94105
Japanese Newcomers Services (Nobiru-Kai)	415-922-2033	1840 Sutter Street, Suite 207. San Francisco, CA 94115
Jewish Family and Children's Services (JFCS) L'Chaim Wellness Center	415-449-2900	2534 Judah Street. San Francisco, CA 94121
Jewish Family and Children's Services (JFCS)	415-449-1200	2150 Post Street. San Francisco, CA 94115
Korean Center, Inc. (KCI)	415-441-1881	1362 Post Street. San Francisco, CA 94109
Mission Language and Vocational School (MLVS)	415-648-5220	2929 19th Street. San Francisco, CA 94110
Portola Family Connections	415-715-6746	2565 Dan Bruno Avenue. San Francisco, CA 94134
Refugee Transitions	415-989-2151	870 Market Street, Suite 718. San Francisco, CA 94102
San Francisco Senior Center	415-775-1866	890 Beach Street. San Francisco, CA 94109
San Frnacisco Unified School District (SFUSD), Latino Parent Center	415-522-6790	c/o Mission High School, 3750 18th Street, Room103. San Francisco, CA 94114
Self-Help for the Elderly	415-677-7600	407 Sansome Street. San Francisco, CA 94111
Treasure Island Job Corps Center	866-433-9631; 415-277-2400	655 H Avenue, Building 442. San Francisco, CA 94130
Visitacion Valley Community Beacon Center	415-452-4907	450 Raymond Avenue, Room 101. San Francisco, CA 94124
Visitacion Valley Community Center Visitacion Valley Senior Center	415-467-4499	66 Raymond Avenue. San Francisco, CA 94134

This information made possible through a partnership with The Seattle Public Library, King County Library System, and City of Seattle New Citizen Initiative.